

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 164

LUẬN NĂNG HIỂN
TRUNG BIÊN TUỆ NHẬT

SỐ 1863
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1863

LUẬN NĂNG HIỂN TRUNG BIÊN TUỆ NHẬT

Soạn giả: Bí-sô Tuệ Chiếu, chùa Đại Vân ở Truy Châu.

QUYỂN 1

*“Mười lức, năm nhĩn Đại Thánh hùng.
Vì chúng cầu pháp vô biên kiếp.
Tám muôn bốn ngàn tạng báu mâu.
Cảm hợp chân kia hơn bờ kia.
Tùy cơ giải thích đều khiến chứng,
Nên hiệu Năng Nhân là Pháp vương.
Mặt trời Phật quyền ẩn núi Niết-bàn.
Chánh giáo lặn theo, mắt tuệ nhắm!
Các Thánh chúng mười Địa ba hiền.
Thương vật, hộ pháp, giải thích kinh.
Mạng đời cuối, hạnh niệm, tuệ nhỏ.
Phần nhiều theo tình mê Thánh chỉ.
Giải lệch chánh giáo, theo mình thấy.
Tự mê, mê người, ngại dòng pháp.
Nay chọn kinh luận hội các văn.
Pháp chung giúp chúng được hiểu đúng.
Nên con cúi đầu qui Tam bảo.
Cúi mong từ bi thăm che chở.”*

Nói về nghĩa vượt hơn không có khác nhau. Kinh luận nói về thuyết bình đẳng, tục đế có khác, nói một, bốn của các dòng Thánh,

tùy tướng phần sao của lý trí, quy tánh tâm ngôn đều bật. Hoặc chân, hoặc tục, vừa thật, vừa quyền, suy lường vì ứng vật, bảo cho biết nhân phù hợp với căn cơ, thú hưởng về quả. Về mặt lý dù là một, nhưng căn khí thật nhiều, nên lại khiến mười hai huyền môn giải thích có đồng khác, yếu chỉ sâu kín của ba tạng giải thích hoặc phần chung hoặc có chấp như mà làm nhân của sinh; thể của tâm là hạt giống của các pháp, mê chấp một văn, đều không để cho khác, vì có khác thì khó hội ngộ, tức chỉ vì tiểu là quyền, chẳng biết Như Lai có năng lực căn tánh bằng nhau; hữu tình có các thứ cõi, v.v... hoặc có nghiêng lệch, khắp, giải thích riêng, đều khiến chẳng phải một; có một sự trái ngược lại, tức nói rằng, tùy theo giả, tùy theo người, chẳng biết Thế Tôn có ý ưa thích đồng thể, y như có tánh bất định, v.v..., cho nên Thanh Văn bị hỏi vặn, vì không nhận thức sự khác nhau của căn cơ. Bồ-tát bị quở trách, do không y theo lý một. Nếu nói chân như Phật tánh là một, đồng được thành Phật, vì chủng tánh chẳng khác, tức thí dụ bốn gánh ba củ không thành. Nếu nói Xiển-đề, Nhị thừa, đều không thành Phật, vì chủng tánh đều là một, tức so sánh ba xe, hai thành không lập, nên do chủng tánh của thế giới chúng sinh, có, không đều y cứ ở lý, cùng khắp có thức, đều có y cứ vào sự sai biệt, hữu thức có, không. Hữu tánh lại có nhất định, không nhất định khác nhau. Vô tánh lại có tạm thời và rốt ráo khác nhau. Vì Thanh văn này nói có nhiều loại, Xiển-đề lại giảng nói thường mất, vì thừa này, hoặc quả phần của một, hai, ba, năm bình đẳng; hoặc phàm, Thánh, quyền, thật bình đẳng, dị biệt. Hoặc nói đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật; hoặc nói có, không có chủng tánh, chẳng phải đều thành Phật, nhưng nhân của Phật đã là khác với vô vi; quả thật cũng là phần thường, vô thường. Y cứ vào ba nghĩa mà tiêu biểu danh từ thường trụ; hoặc y cứ vào “hoặc” thì không lấy gì để lập tên gọi vô vi; hoặc có người mê diệu chỉ này, cho rằng ba Phật đều bất động, thấy nói vô vi; đem bốn trí mà không có sinh diệt, chẳng biết đều là Đấng Chánh Biến Tri. Y cứ vào bốn bí mật, bốn thứ ý thú tùy thuộc ở mình, tùy thuộc ở người; Mười hai phần giáo, Đức Phật tự hội thông, tản mát ở quy tắc nhất định của các kinh, khó vạch ra, nghiên cứu.

Bồ-tát Di-lặc soạn rộng luận Du-già giải thích rằng: “Về mặt lý, đều cùng cực; về sự đều cùng tận, văn đều nêu rõ; về nghĩa đều giải thích; mọi chấp đều phá; mọi nghi ngờ đều dứt trừ; mọi công hạnh đều tu; mọi quả đều chứng; chính vì Bồ-tát muốn cho ở cảnh, hạnh, quả của các thừa đều bằng nhau, đều được khéo léo, hết lòng tu hạnh đại, chứng đại Bồ-đề, rộng vì hữu tình thường thuyết minh không có trái ngược,

gồm cả thừa khác, khiến dựa vào pháp mình, tu hành phần mình, được chứng quả mình. Các Sư như Vô Trước, v.v... hoặc giải thích riêng một bộ; hoặc nói chung chỉ thú rộng lớn và giáo lý phù hợp sáng sửa rức rở, gốc, ngọn lần lượt tỏ rõ, nhưng hữu tình mờ tối mật chỉ, biển dục mà rưới vào ao vũng, tâm che mờ viên ngọc trong chéo áo, bỏ thức ăn nhờ vào trong đồ đựng báu; liên thành mắt cá, bông cây không phân biệt. Thuốc độc, đề hồ, cỏ huân, cỏ du không riêng; cây ánh sáng của ngọc đá mà chỉ mặt trời, mặt trăng, vượt qua kiếm báu mà chấn chỉnh mũi nhọn chì, sau đa-la cánh định. Trước kia, Đạt-ma vâng theo chuẩn tắc nhất định chia ra hiển mật. Nếu cũng phát khởi lẫn nhau, tức chí thú y cứ vào văn. Vâng theo chấp thật làm chân, chính là lời trái, lý sai, tôi dù không nhanh nhẹn, từng rót rượu sòng cả của biển pháp, nghĩ nhớ mê hoặc dưng hiển tốt, hoài nghi chỉ nam của sự cứu giúp hiểm nguy, đã gặp luận cao, nắm lấy, thân trước, lượm lật tinh vi của ba tạng, chọn lấy chỉ thú sâu kín của Ba thừa, làm sáng tỏ chỉ thú u vi kia, để kế hợp với nẻo đường rộng, lược thuật ba chương, nhằm khai hóa kẻ chưa tỏ ngộ. Văn dù không đẹp, nhưng về lý, thật sự đáng quán sát. Mong các gương soi huyền vi, suy tìm tường tận đến chỗ cùng cực của chí thú kia.

CHƯƠNG I : VIÊN CHÂN PHÁ CHẤP

1- Phá chấp nhân thời gian nhất định.

Có thuyết nói: “Trong kinh, luận, có khi danh đồng mà nghĩa khác, như kinh giải Thâm Mật, v.v... chép: “Nói về Nhất thừa, cùng với Pháp Hoa, v.v... nói về Nhất thừa, kinh luận này dù danh đồng, nhưng Thâm Mật thì có ba mà nói một; Pháp Hoa thì phá hai nói một, mà nghĩa có khác. Vì sao? Vì Thâm Mật có hai diệt, rằng Nhị thừa định tánh không ngồi đạo tràng, tụng rằng:

Nên lập Nhất thừa ở trong đó.

Chẳng phải tánh hữu tình.

Không có khác nhau.

Đây là có ba nói một.”

Pháp Hoa, v.v... chép: “Thịnh văn cũng như Bồ-tát, nghe pháp ta đã nói, dù chỉ một bài kệ, đều sẽ được thành thật không có nghi ngờ, chỉ một sự thật này, hai việc chẳng phải chân. Bồ đề, nai mà diệt hóa thành; phá hai diệt, mà về đảo châu báu, nên về nghĩa có khác!”.

“Thuyết này thật phi lý, vì sao? Vì các thuyết Nhất thừa danh nghĩa chẳng khác. Pháp Hoa, Thâm Mật, lược nêu chỗ đồng kia. Vả lại, Pháp Hoa Nhất thừa đồng với Thâm Mật. Nhiếp luận dẫn Xá-lợi-phất được thọ ký trong hội Pháp Hoa, trong mười nghĩa, làm sao nói Pháp Hoa về trước đã nói Nhất thừa riêng?”. Nhiếp luận chỉ giải thích Nhất thừa về trước, không giải thích Pháp Hoa. Đã đồng đối tượng giải thích, biết sáng suốt không riêng. Lại, người tánh cố định, không có văn rõ ràng nói được thành Phật”.

Trong kinh Lăng-già, Đại Tuệ hỏi, Phật đáp. Xưa người phát nguyện Bồ-đề chẳng thể quyết định, v.v... Kinh luận Pháp Hoa nói: “Người quyết định, vì căn cơ chưa thành thực, nên Bồ-tát được thọ ký, khiến phát tâm”. Văn đã nói chung, lại nói việc dĩ vãng, đã phá hai diệt, Nhất thừa đã rõ ràng, tức phải nói một cách quyết định rằng, Nhị thừa đều thành Phật, vì sao loại trừ quyết định?

Lại, ở thí dụ thứ ba, là người hoàn toàn cầu Đại thừa, nghĩa là ngoài Đại thừa, không có Nhị thừa riêng, vì Phật khiến cho biết mỗi thừa khác, nên nói ví dụ mưa”. Thế nên đồng với chủng tánh thú hưởng vắng lặng của Thâm Mật, không ngồi đạo tràng. Pháp Hoa chỉ vì lui sụt tâm Bồ-đề, và Thịnh văn biến hóa, ba châu nói về Nhất thừa, pháp mà Thịnh văn được Phật truyền trao cho, đều chỉ rõ điểm chung của hai kinh, luận này, nói chung, không có thú hưởng vắng lặng, vì ở văn

đủ biểu thị rõ, nên đồng với chủng tánh bất định của Thâm Mật để thú hưởng Chánh giác. Kinh Pháp Hoa chép: “Vì muốn khai thị cho chúng sinh tri kiến của Phật. Luận giải thích về nghĩa đồng rằng: “Đồng, nghĩa là pháp thân bình đẳng của Ba thừa. Pháp thân của ba thừa bình đẳng, nghĩa là vì Phật tánh, pháp thân, không có khác nhau. Quan điểm này đồng với Thâm Mật y cứ vào thẳng nghĩa của ba vô tánh, thẳng nghĩa vô tánh, v.v... cũng là bản dịch đời Lương y cứ vào pháp, như bình đẳng nên nói Nhất thừa”.

Trong kinh Pháp Hoa, bốn đại Thịnh văn tự nói thí dụ, đầu tiên, làm người đổ phân, là kẻ thấp hèn; khoảng giữa, gửi gắm gia tài, tự mình không có hy vọng lấy lại; về sau, nhóm hợp chúng để bố cáo, mới sinh lãnh ngộ. Quan điểm này của kinh Pháp Hoa đồng với thời giáo thứ ba của Giải Thâm Mật. Nhiếp luận dịch vào đời Lương, đời Đường đều chỉ rõ rằng: “vì luận kia không giải thích “Nhất thừa” của Pháp Hoa, nên nói đồng, khác, chỉ vì phân biệt luống dối”. Lại, nói: “Hoặc có danh khác mà thể đồng, Niết-bàn, Phật tánh, thể tức chân như”; trong luận Phật tánh gọi là “nên được”.

Đã thừa nhận lý tánh khắp hữu tình, không tin “nên được” “chắc chắn thành Phật”, điều này cũng phi lý, vì mặc dù có nhận duyên “nên được”, nhưng đã thừa nhận Bồ-tát đại bi đều có nhân tố gia hạnh, vì cùng tận cõi chúng sinh, nên thường xuyên không thành Phật, đâu bỏ hữu tình? Chính vì thế, nên cho dù có nhân “nên được” đi nữa, nhưng vì không có nhân gia hạnh, nên thường không thành Phật. Nếu nói rằng: “Ta thừa nhận tác giả, tức là trái với kinh, vì gia hạnh nghĩa là không có phẩm hạ, mà chứng tỏ chánh phẩm trung, tự sẽ giải thích rộng”.

Có nghĩa nói: “Nhân có duyên, chánh; quả có gần xa. Duyên tương ứng với thiện, v.v...; chánh là tám thức. Tánh Như Lai tạng, tám thức đồng thành. Chân như có khắp, nếu thiếu duyên như, tu thì sẽ có; không tin chánh nhân, thì há không phải là mê muội hay sao?”.

“Lối chấp kia không hợp lý, lại dùng chân như làm chánh nhân là vì đối với sinh quả gọi là chánh, vì y cứ vào mê, ngộ, y chỉ làm chánh, nếu có công năng sinh quả thì gọi là chánh nhân. Kinh Bồ-tát Địa quyển tư; luận Du-già quyển ba mươi tám, luận Địa Trì quyển ba mươi chép: “Nhân bốn duyên không có, nói là pháp thường. Pháp thường làm nhân duyên, về nghĩa hạt giống của Nhiếp luận, Du-già, cũng đều trái nhau. Nếu nói rằng, nghĩa kia và duyên nhân, chẳng phải sinh gần quả ấy, thì sẽ trái với các kinh, luận, ấy là trở thành lỗi lớn. Lại, há không thừa nhận bảo thân Phật hội đủ năm uẩn ư? Nếu đủ năm uẩn, thì nhân còn

không thuộc về uẩn, huống chi là nhân của uẩn? Lại, luận Phật Tánh đã không thừa nhận chân thật có thể sinh “hữu”, nên tám thức dù làm chánh nhân, nhưng chẳng phải y cứ vào thức hiện hành từ vô thủy mà nói: “Kinh Lăng-già nói rằng: “Vì đầy đủ pháp huân tập vô lậu, nên gọi là Bất không Như Lai tạng. Nếu nhận lấy thức của hiện hành vô thủy làm chánh nhân của Phật, tức chánh nhân vô lậu của Phật sẽ thường hiện hành thì đâu được có phàm phu? Nếu nói là hữu lậu, thì tức đâu được làm chánh nhân, vì trái với Nhiếp Đại thừa nói chất thuốc độc là cam lộ. Lại tâm, tâm sở há chẳng phải là chánh nhân của báo Phật. Nếu chẳng phải chánh nhân của báo Phật thì sẽ trái với luận Trang Nghiêm và phẩm Tứ Trí tâm của Nhiếp Luận, v.v..., gọi là báo thân, thừa nhận là báo Phật. Nói rằng, tương ứng thiện, v.v... làm duyên nhân, đâu không mạnh mẽ thái quá ư? Nếu dùng chân như làm chánh nhân của pháp thân thì sẽ không hơn hai, đó là sinh, liễu. Chân như đối với pháp thân, chẳng phải thuộc về nhân sinh, liễu, thì làm sao gọi là chánh nhân? Chỉ có thể được thừa nhận phần vị nhân, quả khác nhau: Nhân, gọi là Như Lai tạng; phần vị quả, gọi là pháp thân. “Như” không sinh “Như”, lại không tự làm sáng tỏ.

Đã chẳng phải sinh liễu, thì không biết lý nào có thể làm chánh nhân, vì thế đối với hai phần vị không đối thay, xê dịch, nên chia ra nhân, quả, “duyên” chánh lập bày lưỡng đối. Chánh nhân của ba thân phẩm hạ, làm sáng tỏ chánh phẩm trung, sẽ rộng phân biệt”.

Có nghĩa nói: “Người tu hạnh Bồ-tát, có khả năng gánh vác, gìn giữ, trụ ở tánh của thừa mình, tất nhiên sẽ được thành Phật; khi chưa đến địa vị này, nói rằng: không thành Phật; có mê không gánh vác chũng tánh thừa mình của Bồ-tát, đầu tiên là phát tâm, chẳng phải giữ gìn được, nói rằng không có chũng tánh, ấy là cuối cùng, không có chũng tánh này, thì sẽ không được thành Phật”.

“Nghĩa ấy cũng phi lý, vì sao? Vì kinh Bồ-tát Địa chép: “Nhân phát tâm đầu tiên, chắc chắn sẽ được A-nậu-Bồ-đề. Luận Địa Trì chép: “Sao gọi là trì?” Tự chũng tánh của Bồ-tát, phát tâm đầu tiên và tất cả pháp phần Bồ-đề, đây gọi là Trì. Vì sao? Vì Bồ-tát y cứ vào chũng tánh, chắc chắn có khả năng gánh vác A-nậu-Bồ-đề. Cho nên, chũng tánh gọi là nhất định trì, cho đến nói rằng: “Thế nên, sơ phát tâm, gọi là Bồ-tát thực hành “phương tiện trì”.

Bồ-tát dựa vào thực hành đầy đủ phương tiện A-nậu-Bồ-đề.

Đã nói rằng: “Thế nên, sơ phát tâm, gọi Bồ-tát thực hành phương tiện trì, dựa vào thực hành đầy đủ phương tiện Bồ-đề, đâu được nói

rằng: “Do sự tu tập lâu ngày của Bồ-tát, mới gọi là “Trì”, mới gọi là có chủng tánh”.

Lại, kinh Bồ-tát Địa chép: “Nếu không có tánh Bồ-tát, thì cho dù lại phát tâm ân cần tu hành tinh tấn, nhưng sau cùng vẫn không thể được A-nậu Bồ-đề”.

Cho nên, phải biết rằng, không phải do phát tâm hết lòng tu hành tinh tấn, mà có tánh Bồ-tát, nếu tu tập lâu đến có khả năng gánh vác, duy trì, gọi là chủng tánh thì sao kinh lại nói: “Chẳng phải nhân phát tâm mà có tánh Bồ-tát?”.

Lại, luận Địa Trì chép: “Người phi chủng tánh, vì không có chủng tánh, nên dù đã phát tâm hết lòng tu hành tinh tấn, nhưng tất nhiên cuối cùng không thể được A-nậu Bồ-đề”.

Thế nên, nên biết, dù không phát tâm, không tu hành phương tiện, nhưng cũng vẫn được gọi là chủng tánh trì. Đã nói rằng: “Dù không phát tâm nhưng vẫn được gọi là chủng tánh trì” thì đâu phiên chia ra đầu, cuối?”.

Có thuyết nói: “Thấy văn của năm tánh Tiểu thừa, liền cho là sự khác nhau pháp nhĩ của ba thừa; hoặc không có nhân tố Niết-bàn, cuối cùng không có tánh, gọi là A-điên-đế-ca, không có hạt giống pháp nhĩ, chẳng biết cuối cùng không có tánh, không có nhân tốt phát tâm; đến thời gian sau, lại có sự khác nhau giữa năm thừa. Tất cả chủng tánh đều mới huân tập khởi. Văn của Thỉnh văn địa chẳng phải là chứng nhất định, vì chứng này hoàn không phải. Vì sao? Vì Du-già do Bồ-tát Di-lặc sáng tạo, nói không phải định chứng. Vì sao? Vì Du-già do Bồ-tát Di-lặc sáng tạo, nói không phải chứng quyết định. Kinh Thắng-man chép: “giới thiện, là do Đức Thích-ca Thế Tôn, e là Tiểu giáo; sự hung dữ như đây, ai dám cho nói? Nhưng nói rằng: “cuối cùng không có tánh, không có nhân tố phát tâm; thời gian sau có trở lại”. Nay hỏi người kia rằng: “Sự phát tâm sau, vì từ hạt giống khởi hay vì không có nhân sinh. Nếu vốn không có nhân, tâm tự nhiên khởi, thì chẳng phải là đệ tử của Đức Thích-ca. Nên quyển thứ nhất, một trong bốn quyển Lăng-già nói rằng: “Đại Tuệ! Nếu lại nói không có chủng tánh, mà vẫn có ba chủng thức, ba duyên hợp sinh, thì con rùa lẽ ra phải mọc lông, cát nên chảy ra dầu. Tông của ông tức hư hoại, vì trái với nghĩa quyết định. Lại, nếu không thừa nhận tánh pháp nhĩ vô thỉ của năm thừa khác nhau, chỉ đồng nhất như, thì đều phải thành Phật hết”.

“Năm tánh mới huân tập, không phải bản hữu, sao Đức Thế Tôn lại bảo năm tánh huân tập kia không chỉ nói Đại thừa khiến đồng huân

tập hạt giống Phật?”.

Kinh Duy-ma chép: “Người kia, tự không có ung nhọt, chỗ gậyra vết thương. Đại sư Điều Ngự há không biết có chánh ứng vì được nhân, dùng Tiểu thừa mà làm hại sao? Nếu nói rằng, do căn tánh khác ấy, thì tức năm tánh vốn có, đâu chỉ mới huân tập?”. Lại, kinh Bồ-tát Địa chép: “Không phải nhân phát tâm hết lòng tu tinh tấn, mà có tánh Bồ-tát, nên biết năm tánh đều sẵn có. Từ chủng tánh vốn có, thường thường khởi hiện, huân tập thành hạt giống, gọi là Tánh tập”.

Lại, kinh Thiện Giới, v.v... giải thích nhân khác quyết định rằng: “Có tánh Thịnh văn, dùng Thịnh văn thừa mà bát Niết-bàn, v.v...”, nên biết được tánh khác nhau không phải do mới huân tập. Nếu do mới huân tập, mới bắt đầu có, thì lẽ ra phải nói rằng: “Trước kia đã không có tánh Thịnh văn, khiến khởi Thịnh văn thừa mà dựa vào Thịnh văn thừa v.v...”.

Đã không tạo ra thuyết này: “Thuyết minh vì chẳng phải mới sinh, cũng chẳng phải tiểu giáo, nên chỉ mới khởi lý giáo trái ngược nhau”. Nhưng Kinh Đại Tập, v.v... nói: “Huân Tập “hữu”: y cứ vào tập chủng mà nói, chẳng phải tánh chủng tánh, vì nếu nói chủng tánh của tánh, là lý chân như, chẳng phải tánh hạnh, thì dưới đây sẽ bảo cho biết rõ, lượt bỏ bốn mê, các mê khác có thể so sánh mà biết.

2- Phá thời giáo nhất định

Có nghĩa nói: Thâm Mật trước kia đã nói thuyết: “Sau Niết-bàn, hai mươi một ngày, pháp luân bốn đế, lập riêng thời giáo; pháp luân vĩ đại nhất sau bốn mươi năm. Do đâu không thừa nhận, lại lập ra thời giáo? Lại, Đại thừa khác với Tiểu thừa, về sau, nói Đại thừa, lập ra thời giáo, Nhất thừa khác với ba thừa, về sau, nói Nhất thừa, do đâu không có lập riêng thời giáo? Nên y cứ theo Thâm Mật, lập ba thời giáo ban đầu;

Nhất thừa của Pháp Hoa là thời thứ tư; Niết-bàn Phật tánh là thời thứ năm”.

Sự thiết lập thời giáo này cũng không hợp lý, vì có nhiều sai lầm. Vả lại, sau chuyển bốn đế, lập thời giáo, là điều mà Phật, Thế Tôn đã nói; thứ tư là Nhất thừa, thứ năm là Phật tánh, trong kinh không phán quyết là ai nói? Nếu dùng nghĩa để lập riêng năm thời giáo, thì về nghĩa mà mỗi kinh nói đều có ý khác nhau, chỉ như kinh Vô Lượng Thọ khuyên sinh về phương Tây, tùy nguyện vãng sinh tức tùy theo cõi tịnh nào? Kinh Di-lặc Thượng Sinh thì dạy vãng sinh lên cõi trời Tri Túc;

hoặc quán Hư Không Tạng; hoặc lại quán Phổ Hiền, v.v... tức ứng thời giáo có nhiều, chẳng phải năm, ba thời, tức kinh Niết-bàn, hoặc ở nhất thời bên bờ sông Hằng, v.v...

Đã không phải thời gian nhất định, nên không thể nhận lấy, nên nói năm thời, chẳng phải là Phật dạy. Lại, như trong phẩm Tín Giải thứ tư của kinh Pháp Hoa lập rộng ba thời giáo: đầu tiên nói rằng: “chúng ta đứng đầu trong hàng tăng, tự cho rằng đã được Niết-bàn. Thời giáo đầu tiên, lại nói rằng: “đĩ vãng xa xưa, Đức Thế Tôn nói pháp đã lâu, khi ta ngồi trên tòa, chỉ nhớ nghĩ không, vô tướng, đối với pháp của Bồ-tát, tâm không ưa thích. Đây là thời thứ hai.

Một cách sâu sắc tự chúc mừng vì may mắn được lợi lành lớn. Cửa báu vĩ đại của Pháp Vương, không mong cầu mà tự được, đây là thời thứ ba.

Ba thời trong bài kệ, tụng lại hiển bày rõ ràng, suy ra đồng với Thâm Mật, làm sao trái với giáo, lập riêng năm thời, nên là lỗi lớn”. Lại, nói rằng: “Kinh Vô Lượng nghĩa là thời gian của Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa khác nhau. Đây là mở ra Trung thừa, hợp với Đại thành một”.

Cách dẫn chứng này cũng phi lý, vì sao? Vì kinh Vô Lượng Nghĩa này đầu tiên nói rằng: “Từ khi Như Lai đắc đạo đến nay, ròng rã hơn bốn mươi năm, thường vì chúng sinh giảng nói các pháp, cho đến không xuất hiện, không ẩn mất. Nếu có người nào nghe, hoặc được bốn pháp Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế đệ nhất, quả Bích-Chi-Phật, phát tâm Bồ-đề, bước lên Thập địa, không chia ra Ba thừa”. Lại, nói: “Ta rời Thọ vương, đến vườn Nai ở thành Ba-la-nại, vì năm người A-nhã, Câu-tân, v.v... chuyển bánh xe pháp bốn đế, cũng nói các pháp, cho đến khoảng giữa niệm niệm sinh diệt, ở đây, kể cả mọi nơi, vì các Tỳ-kheo và chúng Bồ-tát giảng nói mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật...” cho đến nói rằng: “Nay, lại ở đây, ta giảng nói kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa, cho đến niệm niệm sinh diệt, không nói là trung gian, chỉ vì Bích-Chi-Phật, cũng nói là cùng chúng Bồ-tát. Về sau, không nói: “Nay lại ở đây, chỉ vì Bồ-tát”. Lại nói: “Này người thiện nam! Đầu tiên nói bốn đế, vì cầu hàng Thịnh văn, mà tám ức các vị trời xuống đây để nghe pháp, phát tâm Bồ-đề, trong đó ở các nơi giảng nói mười hai nhân duyên rất sâu; vì người cầu Bích-Chi-Phật, mà vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề; hoặc trụ Thịnh văn. Kế là nói mười hai bộ kinh Phương Đẳng, Ma-ha Bát-nhã Hoa Nghiêm biến không, đã giảng nói Bồ-tát tu hành nhiều kiếp, mà trăm ngàn Tỳ-kheo, muôn ức người, trời, vô lượng chúng sinh

đều được quả Tu-đà-hoàn, cho đến được quả A-la-hán, trụ trong pháp nhân duyên của Bích-Chi-Phật. Mặc dù trong đó giảng nói mười hai nhân duyên, nhưng nói rằng, vì Bích-Chi chỉ có phát tâm Bồ-đề; hoặc trụ Thinh văn không có phát tâm Duyên giác và chứng quả Duyên giác. Tiếp theo nói Phương Đẳng, là được quả Thinh văn và trụ trong pháp nhân duyên của Bích-Chi-Phật, không nói rằng, vì Bồ-tát phán quyết rằng: “Kinh Vô Lượng nghĩa vì thời giáo khác nhau của Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, mở ra Trung thừa, hợp với Đại thừa thành một. Do một này là ba thời giáo, thì từ thời giáo nào chuẩn y nhất định? Nếu nói rằng: “Đã nói Đại giáo, đâu chẳng phải Đại thừa? Nếu vậy, Thâm Mật cũng nói giáo Đại thừa, sao nói là ba thừa? Lại, nếu là ba, sau cùng không có năm, cũng không hạn định năm tháng trước sau. Lại nói rằng: “Nay, y cứ vào tánh thừa, nói năm thời, nghĩa là một tánh của Tiểu thừa, Đại thừa, ba thừa, Nhất thừa. Sau năm thời giáo này gồm cả nghĩa trước, nghĩa trước không gồm nghĩa sau”. Nhưng kinh Pháp Hoa lập ở sau Thâm Mật; Niết-bàn lại ở sau Pháp Hoa, nói Thâm Mật đã ở trước, làm sao dự phán quyết ở thời giáo sau? Vì theo thứ lớp cạn, sâu, quyết định là năm thời giáo. Thời thứ tư, thứ năm chẳng phải thuộc về thời thứ ba của giáo Thâm Mật. Sự phán quyết này cũng không hợp lý, vì sau hai mươi mốt ngày, Đức Phật mới đến vườn nai, nói giáo bốn đế, đầu tiên độ năm người.

Vào ngày thứ mười bốn, Phật nói Thập địa, không rời cây đạo, thọ ký cho Đề-Vị: sẽ được thành Phật hiệu là Tề Thành, làm sao phán quyết nhất định trước hết nói Tiểu giáo? Lại, Nhất thừa tức là Đại thừa”.

Kinh Thắng-man chép: “Thinh văn, Duyên giác thừa đều nhập vào Đại thừa. Đại thừa tức là Phật thừa. Cho nên, ba thừa tức là Nhất thừa. Được Nhất thừa, nghĩa là được A-nậu-Bồ-đề”.

Ở thời thứ hai, phán quyết nói Đại thừa, Nhất thừa, tức Đại gồm thâm phải ở thời thứ hai, làm sao là thứ tư? Nếu nói rằng, Thâm Mật là nói thời giáo của ba thời, thì vì chung cho tạng ba thừa, gọi là giáo Ba thừa, vì nói có ba thừa, nên gọi là thời giáo của ba thừa. Nếu thừa nhận Thâm Mật chung cho thuộc về Ba thừa, thì sẽ trái với chánh lý. Xưa nay đều thừa nhận chung là tạng Đại thừa. Nếu nói rằng, nói có ba thừa, gọi là thời giáo của ba thừa, thì Pháp Hoa cũng như vậy, trước sau đều nói rằng: “Vì câu Thinh văn, v.v...”. Nếu nói rằng, vì không đồng như trước đã không phải, nên không thể nói Nhất thừa của Pháp Hoa là thời thứ tư”. Kinh Niết-bàn cũng nói rằng: “Trong kinh này hoặc nói Nhất thừa, hoặc nói Ba thừa. Lại Nhất thừa tức Phật tánh; Phật tánh tức chân

như”.

Kinh Thắng-man, kinh Như Lai Tạng, kinh “Bất Tăng Bất Giảm”; kinh Pháp Giới Thể Tánh; kinh Như Lai Trí Ấn; kinh Thánh Thiện Trụ Thiên Tử Sở Vấn; kinh Chư Pháp Vô Hành; kinh Văn-thù-sư-lợi Vấn Pháp Thân, v.v..., đều nói rộng về Như Lai tạng, Phật tánh, pháp thân, tất cả chúng sinh đều có, sao nay nói rằng, thời thứ năm nói về Phật tánh”.

Kinh Thắng-man nói: “Phu nhân Mật-lợi tin pháp chưa lâu, có nói ở trước, kinh Như Lai Tạng, theo Bồ-đề-lưu-chi nói rằng: “Sau khi Phật thành đạo, vào năm thứ mười nói luận Phật Tánh, luận Bảo Tánh đều y cứ vào kinh này và kinh Giải Thâm Mật, Vô Thượng Y, nói rộng về Phật tánh, không y cứ vào Niết-bàn để nói về nghĩa Phật tánh, làm sao phán quyết nhất định ở thời giáo Niết-bàn, bắt đầu nói tất cả đều có Phật tánh, xếp kinh Thắng-man v.v... và luận Phật Tánh, v.v... vào thời giáo thứ năm. Nếu để Niết-bàn ở sau Thâm Mật thì không được phán quyết là thời thứ ba, thì sao lại tự dẫn chứng rằng: “Hoặc có kinh trước Mật Ý nói nghĩa sau, như luận Trí luận nói: Lại, Hoa Nghiêm là trước khi nói bốn đế, sao kinh Vô Lượng nghĩa lại phán quyết là Phật đã nói vào thời giáo thứ ba?”

Nếu nói rằng, y cứ vào loại nghĩa để nói, không y cứ trước, sau; Thâm Mật cũng vậy, vì đâu riêng gì không tin, nên y cứ vào trước, sau để phán quyết là thời giáo thứ năm, chỉ vì tuệ trẻ thơ, nên người trí đã không thừa nhận”.

Lại, nói rằng: “Ba thời của Pháp Hoa khác với Thâm Mật. Nhận xét này cũng như vậy, vì thời giáo mà hai kinh đã nói, về ý nghĩa không khác nhau”.

Kinh Pháp Hoa quyển hai chép: “Xưa, Phật xoay bánh xe pháp bốn đế ở Ba-la-nại; Nay, lại xoay bánh xe Đại pháp vô thượng sâu mầu. Vả lại, đối với quyền, thật, dùng hai thời để nói, thời thứ hai, kệ tụng của phẩm Tín Giải nói: “Phật cũng như thế, biết ta ưa Tiểu, mà không hề nói: “Các ông thành Phật”, mà nói: “chúng ta được các vô lậu, thành tựu đệ tử Thịnh văn của Tiểu thừa. Đây là nghe Hữu giáo”. Phật dạy chúng ta nói đạo Tối thượng”. Cho đến nói rằng: “Nếu chúng ta nghe thanh tịnh cõi Phật giáo hóa chúng sinh, đều không ưa thích. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vắng lặng, không có sinh, không có diệt, không có đại, không có tiểu, v.v... Đây là nghe “Không giáo”, cho đến nói rằng: “chúng ta, ngày nay được điều chưa từng có, chẳng phải trước kia đã hy vọng mà nay tự được, như người nghèo kia được vô lượng của báu

v.v... Đây là nghe giáo phi không hữu. Văn kinh trong văn xuôi cũng đủ”. Lại, nói rằng: “Thâm Mật còn hai diệt một; Pháp Hoa phá hai còn một. Do đây không đồng: như trước đã phá; kinh Niết-bàn cũng vậy. Như kinh Niết-bàn quyển hai nói trong dụ thầy thuốc, đầu tiên, dạy bảo chung là uống sữa, dụ cho hữu giáo. Tiếp theo, bảo dứt chung, dụ nói “Không giáo”; sau, có nên, không nên uống, dụ cho phi “không”, “hữu”. Đây là đối với chấp của ngoại đạo đều có “Ngã”. Vì đã phá “hữu” này, khiến nhập nhân không”.

Vả lại, Mật Ý nói “nhân không”, về nghĩa, rõ ràng là Tiểu, đầu tiên nói pháp “Hữu”; kế là, phá pháp “Hữu”, Mật thuyết “Pháp Không”. Trong hội như Phật mới nói rõ, loại trừ chấp có của ngoại đạo, nên nói “Không”, vì dứt trừ chấp “không” của Thinh văn, nên nói “có”, để nói về Phật tánh; vì chẳng phải chấp giả dối “ngã”, nên chẳng phải có. Vì “có” thường, v.v... nên chẳng phải “Không”. Hợp với thời giáo thứ ba, sao gọi là thứ năm? Lại, nếu Niết-bàn nói có Phật tánh, thì căn tánh của năm thừa cũng đều thú hưởng về quả Phật.

Thời thứ năm: vì sao Tu-bạt-Đà-la nghe Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đồng được thành Phật sao không phát đại tâm, mà nhận lấy quả A-la-hán, nên như giải Thâm Mật phán quyết thuộc về thời thứ ba, khắp vì phát tâm thú hưởng tất cả thừa ấy, nghĩa là vì chân liễu nghĩa, xem xét, nghiên cứu tìm tòi kỹ về nghĩa, lại nói rõ ràng, giải tỏa mở lưới to.

Vì năm môn che lấp lâu dài, nên không là môn riêng, môn riêng đối với tâm. Lại nói rằng, giáo có năm thời, năm môn, phân biệt:

- 1) Thứ lớp có khác.
- 2) “Được” gọi là có khác.
- 3) Nói về ích lợi không bình đẳng.
- 4) Nói về thời giáo khác nhau.
- 5) Nói về pháp có khác.

Nói thứ lớp khác: Ba thừa ở trước Nhất thừa; Phật tánh ở sau Nhất thừa. Đại ý đồng với trước là trước định lối sau, nên không phá lại.

Nói “được” gọi là khác: Thời giáo thứ tư gọi là Nhất thừa, nghĩa là vì năm thừa đều quy về Phật tánh.

Thời giáo thứ năm gọi là Phật tánh: Vì năm tánh quy về Phật tánh. Phán quyết này cũng không như vậy, vì năm thừa quy về Nhất thừa, là thời thứ tư. “Thắng-man cũng nói bốn quả đều quy về quả Phật. Thâm Mật không nhất định, cũng thú hưởng về Phật thừa, ứng với thời thứ tư. Tánh định của Pháp Hoa cũng không quy về một, nên thuộc về thời thứ

ba.

Trên đã dẫn Phật tánh, nhiều kinh nói đồng, ứng với thời thứ năm, gọi là giáo Phật tánh, đâu chỉ Niết-bàn? Nếu nói rằng như thế, thì Thắng-man nói: “Như Lai tạng, là sau bốn mươi năm ư?”

Vì trước đã chứng tỏ không phải, nên nói lợi ích không bình đẳng. Tiểu thừa nói pháp “có” của duyên sinh, là nền tảng đầu tiên của muôn hạnh, nên kinh Thập Luận chép: “Người không học Tiểu thừa, thì không do đâu mà học Đại thừa”.

Thuyết này y cứ vào sự chứa nhóm gốc lành của Hữu giáo, chẳng phải là trước phát tâm Tiểu, sau mới học Đại”.

Thuyết này nói không như vậy, vì y cứ vào tánh bất định đầu tiên, khiến học Tiểu, tức ngoài cửa kinh Pháp Hoa, hứa cho ba chiếc xe. Ở vườn nai, chứng quả Tiểu. Nếu y cứ vào tổ ngộ ngay, thì đầu tiên thọ ký cho đề vị, nói kinh Hoa Nghiêm, v.v... đều chẳng phải Tiểu thừa. Lại, y cứ vào giáo Đại, thì không được chứa nhóm gốc lành, có thể phải dựa vào Tiểu, y chỉ đại. Y chỉ đại, được phước vượt hơn Tiểu thừa, đâu cần phải dựa vào Tiểu. Lại, Pháp Hoa chép: “Học Đại, cho đến không thọ một bài kệ của kinh khác. Lại không được gần gũi học giả ba tạng Tiểu thừa. Đã thừa nhận là liễu nghĩa, vì sao bỏ liễu nghĩa này mà không y chỉ?”

Lại Du-già, v.v... nói: “Trước học thừa mình, sau mới học giáo khác. Nếu không phải bất định thì sẽ không có ba, một của tiểu, đại này. Theo thứ lớp, nếu là tổ ngộ ngay, thì không phải trước học Tiểu”.

“Sự phán quyết này y cứ vào đâu?”.

“Ý của kinh Thập Luân không phải triển khai trước vì nói Tiểu thừa, khiến cho họ gieo trồng gốc lành; cũng chẳng phải trước nghe vô tánh, sau phân biệt năm tánh, như trước kia đã chỉ rõ không phải.

Nói thời giáo khác nhau. Đây là đồng thừa nhận riêng, kinh Pháp Hoa, Thâm Mật ở trước. Sau, sự thừa nhận cũng không có lỗi, nhưng nói Thâm Mật là nói ba thừa. Pháp Hoa chỉ tồn tại nhất thật.

“Lý này chưa thể”, Thâm Mật Giải Thoát quyển hai chép: “Ta nói Thịnh văn, Duyên giác, Bồ-tát, một đạo thanh tịnh thành tựu đệ nhất nghĩa, chỉ một đạo thanh tịnh, không có đạo thứ hai. Ý ta vì y cứ theo đây nên nói Nhất thừa.

“Làm sao được nói là giáo Ba thừa?”. Nếu nói cho phép bất định hồi tâm, thì quyết định không hồi, tức tồn tại hai diệt, khác với Pháp Hoa”.

“Cách lý giải này cũng không đúng, vì cho phép bất định hồi thú,

tức đã phá hai diệt. Ba cỗ một đất của Pháp Hoa rất khác nhau, vì quyết định không ghi nhận, cũng tồn tại hai diệt. Nếu nói Pháp Hoa thừa nhận tánh quyết định thú hưởng Đại thừa thì sẽ trái với luận mà giải thích kinh. Hơn nữa, văn kinh đã ghi nhận Thịnh Văn, đều là tánh bất tịnh, kể cả sự biến hóa. Ở văn đủ rõ ràng, bởi vì hội này đối với hai diệt này giống với Thịnh văn nói “không có một ai chẳng thành Phật”. Nếu không như vậy thì sao Luận Thích nói “chỉ vì lợi ích cho hai người, e tổn hại kinh sợ”. Không vì quyết định, nên nói thí dụ mưa, sao cho biết được thừa khác nhau. Há Bồ-tát Thiên Thân không hiểu Pháp Hoa? Phàm phu đời Mạt pháp, hiểu sâu được ý kinh. Nếu nói rằng Thâm Mật dù nói Nhất thừa, nhưng vẫn thừa nhận có căn tánh khác nhau. Nói chỉ một là luật ý nói, ở đây hợp với trước. Pháp Hoa cũng nói rằng: “Đã nói, đang nói, sẽ nói, mà trong đó, kinh Pháp Hoa này là trên hết”.

Làm sao kinh chưa nói, mà kinh này lại được nói là trên hết? Vì chưa nói là thừa nhận ở trên hết, chưa nói hội ý với trước, mà đã thừa nhận là đồng, điều này đâu có lỗi gì? Lại, ba minh của Phật trấn giữ bốn trí trong sáng, thường xán lạn. Hội ý với kinh sẽ chưa nói, thì đâu có lỗi cố chấp không thừa nhận? Lại kinh kia tự dẫn, hoặc lại kinh trước bí mật nói nghĩa sau, như luận Trí Độ, bí luật trước nói sau, người kia đã tin. Trước rõ ràng, hợp với sau, vì sao không thọ lãnh? Hơn nữa, với mười nghĩa chứng tỏ kinh Pháp Hoa ở sau Thâm Mật.

Một thuyết khác nói: “Thâm Mật nói có hai diệt; Pháp Hoa nói “không có”.

“Đây là sự hiểu lầm, như trước kia đã chỉ rõ, cho đến Thâm Mật, quyển mười thừa nhận một phần của tánh bất tịnh thành Phật. Pháp Hoa chép: “Hoàn toàn không có hai diệt”. Sự hiểu lầm này y cứ như trước đã nói”.

Kinh Lăng-già chép: “Cho đến Xiển-đề vô tánh, sẽ được Niết-bàn”.

Đây cũng là hiểu lầm ý kinh. Vì sao? Vì vô tánh mà kinh Lăng-già nói, tức là lúc đương thời, chẳng phải rốt ráo. Vì về sau gặp Phật, v.v... thừa nhận sẽ được thành Phật.

Nếu nói: “Xiển-đề kia, nói là vô tánh, tức là hoàn toàn không có nhân, thì Bồ-tát khởi đại bi há là hoàn toàn vô tánh, cũng nói là vô tánh ư? Lại, nói rằng: “Kinh Niết-bàn chép: “đều sẽ thành Phật”. Lời này cũng không đúng, vì rằng, đầu tiên y cứ vào Xiển-đề, nói là “không có Phật tánh”. Đây là y cứ vào tánh hạnh, về sau nói “đều có”, tức y cứ vào lý tánh. Nếu không như vậy, thì làm sao có hai thuyết trước, sau?”.

Lại nói: “Tu-đà-hoàn cho đến La-hán đều sẽ được thành Phật”, vì không hiểu ý ta. Lại, bảy người ở sông Hằng nói rằng: “Quả A-na-hàm có trung sinh bát, v.v...”.

“Kinh Niết-bàn này là thuyết hiển liễu, chẳng lẽ hoàn toàn không có hai diệt?”

Lại nói: “Giáo Phật tánh này, khi sắp Niết-bàn, nói là quả xa của chánh nhân, vì nhân sâu, quả xa rất khó tin, cho nên về sau nói kinh Niết-bàn, nhân sâu, quả xa khó tin hình thành chung, vì nói là khó tin nên ở sau cuối”.

Sự phán quyết này tức sai lầm. Vì sao? Vì kinh Niết-bàn nói độ Tu-bạt-đà-la, há là người vượt hơn hay sao?

Kinh Di giáo chép: “Nói pháp lần sau cùng, độ Tu-bạt-đà-la, người đã đáng độ, ta đều đã độ xong”. Mới nói Di giáo, chẳng lẽ là nhân sâu, quả xa, rất khó tin hay sao?

Lại kinh Đại Thừa Niết-bàn hậu khởi, vì mẹ nói pháp, há lại khó tin, lại hiển bày rõ ràng ư?

Lại, đã nói Phật vì báo ơn mẹ, nên Niết-bàn lại khởi, A-nan hỏi tên, đáp rằng: “Tên là Kinh Mẫu Tử tương kiến, nên giảng nói cho người đời sau, v.v... Chủ thể, đối tượng giải thích này nói về việc báo ơn, khác với giáo trước, ứng với thời giáo thứ sáu, ở đây không lập thời giáo, ở kia làm sao như vậy? Bắt đầu nêu lên bao gồm sau cùng, sự hiểu lầm khác có thể đều có”.

3- Phá quyền thật nhất định có ba:

Có nghĩa: “Trong các kinh, luận, cũng nói khác nhau, tất nhiên không có hai thật, quyết định có một quyền, nhưng y cứ theo nghĩa riêng, thì không phải hoàn toàn lưỡng đối. Giải Thâm Mật tồn tại hai diệt mà nói Nhất thừa”.

Có kinh nói: “Xiển-đề rốt ráo không có pháp Niết-bàn, v.v... đây là quyền giáo”.

Pháp Hoa dứt trừ hai diệt mà nói Nhất thừa. Niết-bàn, nói Xiển-đề có Phật tánh, đây là Thật giáo, nên về nghĩa của các quyền thật, so sánh có sáu:

- 1) Tin, chê, tội, phước, nhiều, ít, khác nhau.
- 2) Đã vì nói con người hơn kém khác nhau.
- 3) Khó hiểu, dễ hiểu, cạn, sâu khác nhau.
- 4) Phật tự hội thích “có”, “không” khác nhau.
- 5) Quyền, thật đối nhau trước sau khác nhau.

6) Đại, tiểu khác với bán, mãn.

Ba thừa, Nhất thừa, năm tánh, Phật tánh, hai thuyết đối nhau cũng có sáu tướng, nên biết Nhất thừa, Phật tánh là thật; ba thừa, năm tánh là quyền.

“Thuyết kia nói không hợp lý, vì cả sáu tướng đều có lỗi. Đầu tiên nói rằng, sự khác nhau của năm tánh khởi từ Tiểu thừa, chỉ một Phật thừa. Pháp Hoa, v.v... nói đều sẽ thành Phật, hiểu rõ ràng, phân minh chỉ ở trong hai kinh Niết-bàn nói rộng, so sánh suy lường: tin hủy, tội phước. Nhị thừa thật diệt, một phần vô tánh, thì không có thuyết này, cho nên biết giáo của Phật tánh Nhất thừa, liễu đạt rõ ràng lại thật. Giáo năm tánh của Ba thừa bị che ẩn bởi quyền; nghĩa là nếu nói về tin, chê kinh liễu, không liễu, tội, phước, thật khác nhau. Sự so sánh, suy lường của Thâm Mật tức là thuyết nhất định, nên biết được Thâm Mật chẳng phải phi liễu nghĩa, mà phán quyết là quyền, há không trái với kinh hay sao?

Lại, có vô lượng các kinh Đại thừa không so sánh suy lường nhiều, há đều là quyền mật? Nếu như vậy, thì y vô thượng của Thắng-man, Như Lai tạng của Lăng-già, đều không có so sánh, suy lường, thì lẽ ra là quyền, chẳng phải liễu.

Lại, kinh Vô Cấu Xưng chép: “Ví dụ như voi, ngựa quá hung dữ, không điều phục được, thêm vào đó các nỗi khổ sở, độc hại, cho đến thối xương, sau đó, điều phục, cho đến nói rằng: “Dùng những lời nói đau khổ tha thiết như thế v.v... hết lòng răn dạy, khuyến dụ, sau đó, điều phục chúng thú nhập chánh pháp”.

Pháp Hoa vì hóa độ Thinh văn căn cơ chậm lụt, mới không nhất định thú hưởng về Niết-bàn.

Vì trừ bốn đảo của Thinh văn, nghĩa là Phật thật bát Niết-bàn, nói về lý tánh của Phật, thường tồn tại, dạy bảo thiết thực sao cho họ được điều phục, là người thấp kém. Nếu không như vậy thì chẳng lẽ trước bát Niết-bàn, không có căn cơ nhạy bén, Văn-thù, v.v... có thể vì nói Niết-bàn; đến lúc Niết-bàn, mới có căn cơ nhạy bén; Ca-diếp mới vì nói “thật”.

Lại, nếu y cứ vào so sánh, suy lường, tiếp theo, quyết định là quyền thật, giả thuyết này cũng khó so sánh. Vì sao? Vì Pháp Hoa, Niết-bàn đều so sánh, suy lường rộng, tức quyết định là thật, là văn liễu nghĩa của Kim Cương, Bát-nhã, so sánh, suy lường cùng cực phước của tín nhận, v.v... Thắng Thiên Vương Bát-nhã chê bai kinh này, nghĩa là chê mẹ của chư Phật, đại địa ngục vô gián ở mười phương hư hoại, tội

báo vẫn chưa ra khỏi. Kinh Đại Bát-nhã, so sánh, suy lường, các chỗ, nhờ kinh này, nên mau được thành Phật. Tất cả công đức, v.v... e rườm rà nên không dẫn đủ. Nếu y cứ vào kinh này v.v..., tức quyết định là thật, là liễu, không chỉ tự trái với đối tượng chấp của mình, mà cũng là trái với kinh.

Nay, không chướng ngại kinh Niết-bàn, v.v... là liễu là chân thật, chỉ không được chấp so sánh, suy lường, nhất định. Thâm Mật, Bát-nhã đều không thừa nhận tánh Nhị thừa quyết định hồi tâm hướng đại, vì tương tự so sánh suy lường để phán quyết Thâm Mật, v.v... là quyền, không phải liễu, ấy là thành lỗi.

Lại, kinh Thâm Mật tự cho là kinh liễu nghĩa, nhằm so sánh, suy lường phi liễu nghĩa, Phật tự nói đây là liễu nghĩa. Sau đó, thay phàm phu phán quyết là phi liễu nghĩa, lẽ ra trí hơn Phật, là lỗi hơn kém của con người.

Nếu nói rằng: “Pháp Hoa chép: “Vào kiếp trước loạn”, cho đến nói: “Vì thành tựu các căn bất thiện, nên đối với một Phật thừa, phương tiện nói ba”.

Lại, nói rằng: “Sở dĩ chưa từng nói, vì lúc nói chưa đến”. Lại nói rằng: “Đối với phương tiện xả chánh trực trong các Bồ-tát, kinh Niết-bàn chép: “Vì không có căn cơ nhạy bén, nên Ca-diếp, v.v... đã thuận theo cơ nghi, dùng phương tiện mở bày ba thừa”. Lại nói: “Đại sự như thế, tiểu nhân thấp hèn này không được nghe. Thế nào là Đại? Cái gọi là Tạng bí mật rất sâu kín của chư Phật, gọi là Phật tánh, cho nên biết Nhất thừa, Phật tánh của Pháp Hoa, Niết-bàn là liễu, là Thật, ba thừa một phần vô tánh của Thâm Mật.

Các kinh này tức là quyền, mật. Điều này không hợp lý, vì nếu nói sự hơn, kém của con người là do quyết định phần ít quyền, thật, hiển, mật của kinh, thì phần ít có thể như vậy.

Theo kinh Pháp Hoa, v.v... thì ở sau có nói, đó là người vượt hơn, là thật, là liễu. Thâm Mật v.v... phán quyết rằng lời ở trước là quyền, là mật. Sóng dữ rất tổn hại, như kinh Hoa Nghiêm và luận Bảo Tánh, v.v... đều nói thí dụ như mặt trời mới mọc trước chiếu sáng trên đỉnh núi cao; kế là chiếu sông, chằm, v.v... Như Lai cũng vậy, trước vì Bồ-tát, sau vì Nhị thừa, v.v... bầy ngày sau khi thành đạo, nói kinh Thập Địa.

Kinh Niết-bàn quyển ba mươi mốt chép: “Ba đứa con, ba ruộng, ba đồ dựng v.v... đều trước hơn, sau kém, há trước nói pháp chưa lâu; sau đều do người kém, pháp nông cạn ư? Lại, khi sắp Niết-bàn, Như Lai nói kinh Di Giáo, v.v... há vượt hơn pháp sâu xa của con người hay

sao?

Lại nói: “Vô lượng Đại thừa ở trước Pháp Hoa, vì Bồ-tát nói, chẳng phải người kém thua, pháp nông cạn”. Kinh Pháp Hoa biện luận rằng: “Vì công việc mà hàng Thinh văn đã làm, nên Pháp Hoa quyển hai, Như Lai bảo Xá-lợi-phất: “Nay ta lại muốn thầy nhớ lại đạo mà bốn nguyện thầy đã thực hành, vì các Thinh văn nói kinh Đại thừa này, tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Đây chẳng lẽ Thinh văn vượt hơn Bồ-tát. Lại, Pháp Hoa quyển hai chép: “Xá-lợi-phất! Lúc Phật kia ra đời, dù chẳng phải đời ác, nhưng do bốn nguyện, nên nói pháp Ba thừa, cho đến trong nước kia, lấy Bồ-tát làm đại bảo, người thua kém này, vì nói giáo quyền, cạn cho Ba thừa. Lại, kinh Thâm Mật, v.v... vì Di-lặc v.v... nói, há Thinh văn kém thua hay sao?”

Nếu nói rằng, ta y cứ vào con người, một thời giáo khác, sau hơn, trước kém, quyền trước, thật sau, tức Xá-lợi, v.v... hồi tâm hướng đại v.v... là đúng, tức đâu bỏ con người, ở thời giáo khác thì trước hơn, sau kém, trước thật, sau quyền, là sinh, v.v... của nghĩa vượt hơn, nói tánh quyết định, một phần không có tánh, không ngồi đạo tràng, làm sao chấp nghiêng lệch Pháp Hoa, Niết-bàn riêng vì làm sáng tỏ “thật”, khó, dễ, cạn, sâu.

Nếu nói rằng: “theo kinh Giải Thâm Mật quyển hai chép: “Vì chưa gieo trồng gốc lành, chưa thanh tịnh chướng, v.v... nên nói: giáo Tiểu thừa, khiến tu phẩm Ngũ Sự Vô Thượng. Năm việc lui sụt đại trí tuệ. Có năm sự của phẩm thượng này, nghe Đại thừa không chê bai. Theo pháp này, thì Tiểu thừa dễ hiểu, Đại thừa khó hiểu. Quyển hai mươi bảy chép: “Bồ-tát Thập Trụ không biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”.

Kinh Pháp Hoa quyển hai chép: “Chỉ một Phật thừa, Xá-lợi-phất thầy đối với kinh này còn do niềm tin mà được nhập”.

Trí Luận quyển chín mươi ba chép: “A-la-hán thành Phật, luận giả không thể biết được, chỉ có Phật mới liễu đạt được vô tánh, một phần thật diệt của Nhị thừa, thì không có thuyết này. Quyền cạn, thật sâu, là nghĩa quyết định.

“Cũng không nên như vậy, vì Thâm Mật đã vì nghĩa vượt hơn mà sinh pháp quán tự tại, sinh ra thuyết của Bồ-tát Di-lặc, v.v... tức là đủ năm việc của phẩm thượng. Nghe Đại thừa không chê bai, vì không tạo ra thuyết khác, nên quyết định biết là sâu xa, là thật, rằng tánh bất định thì thành Phật; tánh định thì không thành, là chủ thể liễu. Vì Phật tự nói, nên chấp là quyền nông cạn, há không trái nhau, cho nên bị lỗi:

Kinh Vô Thượng Y nói: “Có ba phẩm chúng sinh:

1) Chấp mắc “hữu”, chấp mắc “hữu” có hai: Trái với đạo Niết-bàn, không cầu Niết-bàn; ưa thích sinh tử.

2) Đối với ngã, pháp không sinh khát khao, kính mến; chê bai Đại thừa.

Hai thứ này khác nhau: trước là không có tánh; sau là có tánh, chỉ chê bai Đại thừa. Hai luận Phật Tánh, Bảo Tánh đều hội thích rằng không thành Phật. Y cứ vào kẻ chê bai, nói là không hội thích, không có nhân. Người mê không biết, cho là một. Nếu là một, thì sao Phật nói hai, nên biết một phần giáo vô tánh là thật, liễu đạt rõ ràng; thường chìm lặn trong sông kinh Niết-bàn. Thường chìm lặn cũng có hai. Lại, bảy người đều có một.

Lại, kinh Niết-bàn quyển chín chép: “Nếu tất cả vô lượng chúng sinh trong một lúc đều thành Bồ-đề, thì các Như Lai này cũng không thấy một Xiển-đề kia được thành Bồ-đề”. Lại, nói: “Như cây khô, như hạt giống rang, v.v... đây là thuyết Hiển, Mật của Niết-bàn, mà nói một phần giáo vô tánh, vì là thuyết quyền, mật, nên bị lỗi lớn.

Hội thích người, không lỗi, như nói rằng: “Giải Thâm Mật kia hội thích hai thời giáo trước, thì Pháp Hoa, Niết-bàn sẽ hội thích Thâm Mật trước, không hội thích Nhất thừa của Pháp Hoa làm phương tiện”. Lại, kinh Niết-bàn chép: “Vì Xiển-đề chướng ngại vị lai, nên gọi là vô tánh”.

Pháp Hoa chép: “Vì phương tiện nói, nên ở đây, đều là do kinh, luận tự hội thích năm tánh, ba thừa, không có văn nào hội thích Nhất thừa, Phật tánh”.

“Thuyết này nói không hợp lý. Kinh Thắng-man chép: “gánh bốn gánh nặng, không nghe chúng sinh phi pháp, dùng gốc lành của người, trời mà thành thực họ, tức nói bốn thừa. Lại nói rằng: “Nếu Như Lai thuận theo điều họ mong muốn mà phương tiện nói, thì tức là Đại thừa, không có hai thừa, vì người Nhị thừa nhập vào Nhất thừa, người Nhất thừa tức độ Nhất thừa. Đã nói: “Như Lai thuận theo điều họ muốn mà phương tiện nói, tức là Đại thừa”.

Lại, kinh Niết-bàn quyển ba mươi mốt chép: “Một đạo, một vị v.v...”. Niết-bàn chép: “Các đệ tử ta không hiểu ý ta, nên tuyên bố rằng: Như Lai nói Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán đều sẽ thành Phật đạo, và tự hội thích xong, đồng với giải Thâm Mật, Nhiếp Đại thừa, v.v... nói: “Chỉ Nhất thừa là Mật Ý của Phật, cũng hội thích Pháp Hoa. Văn luận nói rõ ràng, Niết-bàn không có văn, vì nói rõ nhất thiết biến

của tánh hành, vì nói chướng ngại vị lai, nên gọi là không có tánh, vì là tạm thời.

Kinh Niết-bàn quyển ba mươi hai chép: “Mặc dù ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng lời nói như thế, nghĩa là Bồ-tát của thân sau, còn không thể hiểu, nếu nói rằng: “chúng sinh đều có Phật tánh”, đây gọi Như Lai thuận theo ngữ ý của mình. Như Lai thuận theo ngữ ý của mình như thế, chúng sinh làm sao hoàn toàn hiểu nổi?”.

Theo ý văn này, nếu các chúng sinh đều có Phật tánh, thì Phật sẽ nói rõ ràng là “có”, làm sao Bồ-tát thân sau không hiểu? Thế nào là không được hiểu một cách hoàn toàn? Do đây nên biết, tánh hạnh “có”, “không”, vì lý chân như cùng khắp, nên nói là tất cả có. Đây là đồng với năm nghĩa của luận Phật Tánh, nên nói Phật tánh. Ba nghĩa của luận Bảo Tánh nói khắp, vì y cứ như lý.

Lại, nói rằng: “Nếu không có quán nhân duyên được thành, thì hàng Xiển-đề lẽ ra phải có quán này.

Theo đây, là thừa nhận không có tánh hành, hướng chi Xiển-đề kia tự cho như tâm vốn có, vô lậu không có. Đã là trước kia không có, vô lậu chẳng có nhân, thì sau từ đâu khởi? Nên biết Phật tánh, nhất thừa và kinh, luận tự hội thích. Rằng vì không có hội thích, nên bị lỗi.

Lỗi quyền thật, trước sau: nếu nói rằng: “Quyền, thật đối nhau: quyền trước, thật sau, các chỗ có văn thật trước, quyền sau, cuối cùng không có kinh nào nói”. Cách giải thích này cũng không đúng, vì về lý không quyết định; y cứ vào tánh bất định, loại Thịnh văn từ tiểu khởi đại; trước ba, sau một, có thể trước quyền, sau thật. Y cứ vào tổ, ngộ ngay, thì chung đều có đại, đâu thể quyền trước chỉ là thật sau.

Đối tượng phán quyết của Thâm Mật, y cứ vào tánh bất định, dẫn tổ ngộ tánh mà nói. Lại, Thâm Mật phán quyết bất định rồi, các kinh Đại thừa trước kia đều ẩn, mật. Pháp mật thuyết như bốn bộ A-hàm, v.v... là có, ngoại trừ chấp “ngã”. Các mật thuyết của Bát-nhã, v.v... đều là “không”, trừ pháp chấp nhỏ, bày ra chẳng phải “không”, “hữu”, mới vì nói rõ ràng, tức Hoa Nghiêm dù nói trước, nhưng thuộc về thời giáo thứ ba; kinh Di giáo dù nói trước nhưng có thể thuộc về thời giáo thứ ba; kinh Di giáo dù nói sau nhưng có thể thuộc về thời giáo thứ nhất, do giảng nói “không” “hữu” không rõ ràng, nên chỉ nói bốn đế, vì quyết định không có khác, như đối tượng phán quyết của giải Thâm Mật kia, thì Hoa Nghiêm lẽ ra là quyền, ví nói ở trước; Di giáo lẽ ra là thật, vì nói mình ở sau. Lại, đối với bất định, cũng trước nói thật. Như kinh Pháp Hoa chép: “Thịnh văn được độ, đều trước nghe đại, sau, phát tâm tiểu,

lấy dĩ vãng làm tiêu chuẩn cho hiện nay, vì tánh Thỉnh văn, trước thật, sau quyền, làm sao phán quyết nhất định trước quyền, sau thật? Pháp chư Phật tồn tại lâu dài, về sau, phải nói chân thật, y cứ ở người bất định; Tỳ-ni “khai” trước; Niết-bàn “già” sau, đại, tiểu khác nhau. Thâm Mật đã không phải giáo tiểu, không chuyên vì Thỉnh văn, sao lại phán quyết sai lầm là quyền, thật?

Lại, bảy ngày đầu, Như Lai nói Thập địa, sau hai mươi mốt ngày, nói giáo bốn đế, há có thể trước nói quyền, sau là thật? Nên biết là lỗi lớn; lỗi bán, mẫn của đại, tiểu. Nếu phán quyết tiểu là bán, là giáo quyền, mật, thì sẽ y cứ vào một loại để nói; các lỗi này thì có thể như thế, và y cứ theo Thâm Mật, luận Du-già, v.v... vì giáo quyền, mật tùy chuyển của Du-già kia, là lỗi lầm rất lớn? Vì sao? Vì Phật tự nói là giáo liễu, nghĩa nay phán quyết cho là quyền, mật. Lại nói: “một phần không có tánh là nghĩa Tiểu thừa: Theo phẩm phá Tiểu thừa của luận Phật Tánh chép: “Nếu nói theo bộ phân biệt, thì tất cả chúng sinh phạm Thánh đều lấy “không” làm gốc, đều vì từ “không” phát ra, nên “không” là Phật tánh; Phật tánh, tức đại Niết-bàn; Theo Tát-bà-da v.v... thì tất cả chúng sinh không có tánh được Phật tánh, chỉ có tu được Phật tánh, cho nên Du-già nói không có y cứ vào giáo hữu bộ, mà luận Phật tánh đả phá. Nếu như vậy, thì Phật tánh, Niết-bàn nói có Phật tánh, lẽ ra cũng y theo bộ phân biệt, Niết-bàn cũng nói: “Đệ nhất nghĩa Không là Phật tánh. Luận Du-già bác bỏ, nếu thừa nhận như vậy, thì làm sao chấp cố định? Trong luận Phật Tánh nói có Phật tánh, là hiển là thật, thuộc về thời giáo thứ năm. Nếu nói rằng trong luận Phật tánh dù bác bỏ “vô”, nhưng vì không đồng với chấp “có” của bộ phân biệt, nên chẳng phải đối tượng bác bỏ của Du-già. Lẽ ra Du-già dù nói một phần “vô”, nhưng không đồng với chấp “không” của hữu bộ, chẳng phải đối tượng bác bỏ của luận Phật Tánh. Lại, luận Phật tánh rõ ràng tự nói phân biệt bộ, v.v... là “có”, Tát-bà-đa, v.v... là “không”, nên nói có Phật tánh, tức không dựa vào Đại thừa, để phá Tiểu thừa”.

Trong luận Du-già không có đối biện, do lý nào mà biết được? Dựa vào Tiểu thừa để lập “không”, bác bỏ thuyết “có” của Tiểu thừa. Lại, Tát-bà-đa lập không có tánh được Phật tánh”. Du-già “có” thì tánh “có”, “không” thì tánh “không”, đâu đồng với thuyết Hữu bộ, vì đều cần Tiểu thừa, nên bị lỗi lớn. Lại, phán quyết Du-già và Nhiếp luận v.v..., chỉ giải thích Quyền giáo.

Y cứ gì là định? Phát trí lục tức giải thích kinh Tiểu thừa. Trung luận, Bách luận, v.v... giải thích về Bát-nhã đồng thời luận rõ về văn,

mọi người đồng thấy rõ. Du-già, Hiển Dương, luận Đại Trang Nghiêm; luận Bồ-đề Tư lương, v.v... đều không thừa nhận sự hồi tâm của định tánh; một khi phân biệt hữu tình không có tu hành Phật tánh, thì nên phán quyết là vì giải thích quyền giáo, không phải kinh Đại thừa. Cứ như thiên ái biết, chẳng được người trí chấp nhận.

Lại, ý nghĩa của luận Phật Tánh và luận Bảo Tánh rất đồng nhau: luận Bửu Tánh quyển một, nhằm giải thích rõ ràng kinh Như Lai Tạng; còn luận Phật Tánh quyển tư thì dẫn Thâm Mật giải thoát. Lại, nói về thể của Phật tánh kia tức là ba tánh. Y cứ kinh giải Thâm Mật. Lại, nói về thể của Phật tánh kia tức là ba tánh. Theo kinh giải Thâm Mật, không có liễu đạt rõ ràng, giải thích ngữ Niết-bàn, đâu chỉ Niết-bàn nói riêng về Phật tánh? Như Lai Tạng, v.v... không phải là Phật tánh hay sao?

Luận Phật Tánh, v.v... giải thích về thời giáo thứ năm. Than ôi, thương xót thay! Các pháp Đại thừa đều Niết-bàn. Phàm phu buông lung, khinh lờn Thánh giáo!”.

4- Phá vọng, thông kinh:

Có thuyết nói: “Thiện giới, Địa trì, Du-già, v.v... nói về người “không có chủng tánh” là y cứ nói khách tánh, chứ chẳng phải bản tánh. Vì sao biết được? Vì kinh tự giải thích rằng: “Tánh Bồ-tát, là sơ phát tâm và ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, chính là căn bản của tất cả pháp lành. Cho nên gọi là phát; nhân phát tâm này mà được A-nậu-Bồ-đề, cho nên gọi là nhân. Nhận phát tâm đầu tiên, quyết định, tất nhiên sẽ được A-nậu-Bồ-đề, cho nên gọi là Tánh.

Đây là giải thích sơ phát tâm, do ba nghĩa có riêng ba thứ gọi: phát tâm tập, chủng, tánh. Đủ ba nghĩa này, phát tâm của vị trước chỉ có nghĩa nhân, không có hai nghĩa còn lại. Tuy nhiên, kinh nói: “Nếu người nào không có tánh Bồ-tát, thì cho dù phát tâm siêng năng tu hành tinh tấn đi nữa, thí cuối cùng vẫn không thể được A-nậu-Bồ-đề”. Ấy, nghĩa là vì y cứ ở vị trước nói, chưa đề cập đến chủng tánh. Mặc dù nhẹ nhỏ, không có quyết định, nhưng sẽ được năng lực kham nhẫn và trì viên mãn, gọi là “vô tánh”, chẳng phải là không làm nhân cho phát tâm, mà gọi là không có chủng tánh. Cách lý giải ở đây đồng với quan điểm nhận xét của kinh Nhân Vương, Anh Lạc, v.v...

“Cách giải thích này không hợp lý, bởi vì nếu là “chủng tánh Vị Chí” không có năng lực quyết định, cuối cùng trì viên mãn, rằng cuối

cùng không được. Gọi là vô tánh, sao kinh nói rằng, nhận phát tâm đầu tiên quyết định, tất nhiên sẽ được A-nậu-Bồ-đề, cho nên gọi là Tánh. Cứ như văn kinh này, tức sơ phát tâm, gọi là Tánh, tức nhân tâm ban đầu có thể được Bồ-đề; rằng, không đến chừng tánh gọi là vô tánh, chưa đến kham nhẫn và trì viên mãn, nói rằng, cuối cùng không được, há không trái với văn kinh hay sao?”.

Luận Địa Trì chép: “Y cứ vào phát tâm ban đầu, tu hành sáu độ, gọi là Bồ-tát thực hành trì phương tiện. Dựa vào thực hành phương tiện đầy đủ Bồ-đề. Cho nên, thực hành phương tiện gọi là Đại Bồ-đề. Địa trì, Du-già cũng đồng quan điểm này.

Hơn nữa, nhân của vị sau, đầu tiên mới có, nói rằng: “Cuối cùng không được”, há không trái ngược lại ư? Lại, do trước trước, mà có được sau sau, sao kinh lại nói rằng: “Cho nên phải biết rằng, không phải vì nhân phát tâm siêng năng tu tinh tấn, nên có tánh Bồ-tát” đã trái với nghĩa kinh, tất nhiên lỗi sai lầm sẽ quá lắm; cũng không được nói: “Không phát tâm, nói rằng vô chừng tánh”, vì kinh nói: “Chẳng phải do phát tâm, mà có tánh Bồ-tát”.

Luận Địa Trì chép: “Chẳng phải người của chừng tánh vì không có chừng tánh, nên cho dù có phát tâm hết lòng tu tinh tấn, cuối cùng sẽ không được A-nậu Bồ-đề”. Cho nên, phải biết rằng, dù không phát tâm, không tu hành phương tiện, cũng được gọi là Trì chừng tánh”.

Luận Du-già chép: “Trụ trong Bồ-đặc-già-la vô chừng tánh, vì vô chừng tánh, nên dù có phát tâm và thực hành gia hạnh làm đối tượng y chỉ, nhưng chắc chắn sẽ không có khả năng viên mãn Vô thượng Bồ-đề. Do lý này, nên chưa phát tâm, chưa tu gia hạnh mà Bồ-tát đã thực hành. Nếu có chừng tánh thì phải biết rằng, đối với chừng tánh kia mà được gọi là trì. Lại, có chừng tánh, nếu chưa phát tâm thì không thể được mau chóng, không được nói rằng: “Cuối cùng không thể được”, nên Du-già tiếp theo nói rằng: “Lại, trụ trong Bồ-đặc-già-la chừng tánh, nếu người nào không phát tâm, không tu hạnh Bồ-tát, thì dù có khả năng cũng không thể mau chóng Vô thượng Bồ-đề.

Nay y cứ vào phần vị nói rằng: “Vì vô chừng tánh”, nên biết là hiểu lầm. Lại, nói rằng: “Luận Du-già, v.v... nói rằng vô tánh, nghĩa là nói theo khách tánh”. Với nghĩa lý tự lập kia, tâm là bản tánh; vốn thực hành hạt giống vô lậu là khách tánh; khách tánh tự thừa nhận đầu tiên là vô”.

Du-già, v.v... nói là “vô” tức hợp với liễu nghĩa, sao lại phát quyết là không liễu. Do không thể biết hai thứ chừng tánh.

1) Tánh chủng tánh, tức pháp nhĩ (là có).

2) Tập chủng tánh, tức hạt giống pháp nhĩ.

Tùy duyên khởi hiện, huân tập hạt giống mới, gọi là Tánh tập.

Kinh Thiện Giới chép: “Tánh có hai thứ:

1) Bản tánh.

2) Khách tánh.

Nói bản tánh: Ấm, giới, sáu nhập, theo thứ lớp nối nhau, pháp tánh vô thủ, vô chung, tự như thế, đó gọi bản tánh, tức là trước kia nói rằng: “Cho nên, phải biết rằng, chẳng phải do phát tâm mà có tánh Bồ-tát”.

Luận Địa Trì nói: “Mặc dù không phát tâm, không tu phương tiện gia hạnh, nhưng cũng vẫn được gọi là chủng tánh trì; đã tu tất cả pháp lành, tức là khách tánh”.

Luận Du-già chép: “Từ đời vô thủ, lần lượt truyền đến nay, pháp nhĩ đã được, gọi là tánh chủng tánh. Nếu từ trước đến nay do tu điều lành mà được, thì gọi là Tập tánh. Pháp tánh tự như thế, tức là bản tánh”.

Kinh Thiện Giới chép: “Không phải do phát tâm mà có tánh Bồ-tát, nghĩa là do bản hữu, nên nói là chủ. Vì tập giống mới khởi, nên gọi là khách”, đồng với luận Địa Trì. Mở đầu của luận kia, giải thích khác, rộng vì khó nêu, luống lập ra siêng năng khó nhọc. Lại, do nói không liễu đạt pháp tánh tự như thế, sắp tạo ra chân như, Phật tánh. Nếu chân như nói là vô thủ, vô chung thì về mặt lý, tức có thể như thế, sao kinh Thiện Giới lại chép: “Theo thứ lớp nối nhau?”.

Luận Địa Trì chép: “Lần lượt truyền đến, dẫn rộng văn kinh là tánh chân như, hoàn công vô ích. Dưới đây, sẽ biểu thị rõ”. Lại nói: “Giải Thâm Mật quyển hai chép: “Hoàn toàn thú hưởng tĩnh lặng, không ngời đạo tràng. Các thọ trong vô dư y, mãi mãi dứt hết”.

Luận Du-già chép: “Trong vô dư y chỉ có chân như, không có các nghiệp tạo tác. Nói theo Tiểu thừa, do trước bốn mươi năm, Phật chưa nói nhị thừa không có Niết-bàn thật; bỏ thân phần đoạn, có biến dịch riêng, chúng sinh không có đoạn, vì Thâm Mật đã ở trước, nên thừa nhận Nhị thừa thú hưởng vắng lặng thật diệt”.

Cách giải thích này cũng phi lý, vì Thâm Mật tự phán quyết kinh Bát-nhã v.v... cũng không phải liễu nghĩa; Nay, thời giáo thứ ba là chân liễu nghĩa, đâu chịu lại theo giáo Tiểu thừa nói diệt thật của Nhị thừa? Thắng nghĩa được khen ngợi là chân liễu nghĩa. Lại, nếu chẳng phải thật Bồ-tát Di-lặc, dẫn trong luận Du-già làm quyết trạch, thì có thể

sẽ không hiểu hội thích, đến thời đại sau, mới hiểu suốt qua kinh phán quyết rằng: “Di-lặc bỏ “thật”, mở rộng “quyền”, sự sâu xa chưa thể”. Lại nói: “Trước nói không diệt sau Phật diệt độ; không diệt sau tín là liễu nghĩa. Trước kia đã nói quyết định. Nay, hồi tâm, đâu riêng gì không tin, mà nói quyết định”.

Điều này so sánh khác nhau, vì chỉ có giáo Tiểu thừa chắc chắn nói là Phật diệt độ. Kinh luận Đại thừa đều thừa nhận chẳng phải chân quyết định, tất nhiên không hồi tâm, vì kinh, luận Đại thừa nói chung, quyết định không hồi tâm, biến dịch chẳng phải thọ riêng thân; một phần diệt thật phẩm hạ của Nhị thừa, bảo cho biết chính phẩm trung, rộng phân biệt”.

Lại, nói: “kinh Đại Bồ-tát Tạng quyển năm chép: “vì chúng sinh của nhóm tà định chẳng phải pháp khí, nên nếu Như Lai nói pháp cho họ nghe, hoặc không nói, cuối cùng, họ cũng không có khả năng gánh vác, chứng giải thoát. Như Lai biết như thật hữu tình kia chẳng phải đồ đựng pháp, ấy là xả bỏ”.

Thế Thân giải thích: “Cõi ác gọi tánh tà quyết định, nhập cõi ác, gọi là định tà; Niết-bàn gọi là tánh chánh; được định Niết-bàn, gọi Niết-bàn chánh định. Đã khước từ, xả bỏ cõi ác, về sau, khi xuất định, ra khỏi cõi ác, thì chẳng phải nhóm định tà. Khi là nhóm định tà, thì Như Lai gác qua, khi chẳng phải định tà, thì Bồ-tát hóa độ, nên biết là chẳng phải rất ráo là vô tánh”.

Đại Tập quyển mười chép: “Vì người tà định, Như Lai dùng phương tiện giảng nói, sao cho họ phá tan tà định. Không có người lành, bảo gieo trồng gốc lành, không có đồ đựng pháp, khiến tạo ra đồ đựng pháp (pháp khí); vì người pháp khí, giảng nói Bồ-đề”.

Thuyết kia nói, cũng không hợp lý, vì ý hai thuyết của kinh Bồ-tát tạng và Đại Tập khác nhau, Bồ-tát Tạng nói: “Nếu Như Lai vì hữu tình kia nói pháp, hoặc không nói pháp, thì sau cùng, vẫn không có khả năng gánh vác, chứng giải thoát. Biết chẳng phải pháp khí, mà xả bỏ, y cứ theo vô chủng tánh, thì không được Niết-bàn, rằng, chẳng phải pháp khí, nên bèn xả bỏ, chẳng phải hoàn toàn xả bỏ, cũng khiến hữu tình kia sẽ được thú vui của người, trời. Nếu là cõi ác thì gọi là tà định. Người mà Phật xả bỏ, thì sao Bồ-tát thị hiện thân trong sáu đường? Há cho từ bi của Bồ-tát vượt hơn Phật? Lại, nếu nói: “Khi ở tà định cõi ác, Phật bèn xả bỏ; ra khỏi cõi ác xong, khi không phải định tà, Phật, Bồ-tát hóa độ, há chẳng phải diệt, xả bỏ bi nguyện của các Thánh hay sao?”

Kinh Đại Tập chép: “Vì người tu định, phương tiện giảng nói, sao

cho họ tự phá hoại định tà. Không có người lành, bảo gieo trồng hạt giống lành; không có người pháp khí, thì khiến đào tạo pháp khí, giảng nói Bồ-đề. Đây là y cứ theo người có tánh, được thọ ký Niết-bàn. Do tạo ra năm tội nghịch, v.v... nên gọi là Tà định. Giả thuyết là có tánh, kể dứt gốc lành, cũng gọi là nhóm định tà.

Do dứt trừ gốc lành và năm tội nghịch, v.v... chưa có nhiều rộng, mới hun đúc hạt giống lành, nói rằng không có người lành (hạt giống lành); chưa đến thành tựu, nói rằng chẳng phải pháp khí. Nếu không như vậy, thì sao kinh Bồ-tát Tạng nói xả bỏ định tà?" Đại Tập chép: "Phương tiện vì nói cũng không được nói, y cứ phát ra định tà trong kinh Đại Tập, nếu phát ra định tà, ấy là chẳng phải định tà; nói là định tà, là phương tiện giảng nói, do không thể biết ba nhóm mà kinh, luận đã nói có khác nhau, tạo ra phẩm hạ của kinh chung này, biểu thị chính phẩm trung, rộng vì chỉ bày. Lại, nói rằng: "kinh Ương Quật-ma-la quyển hai chép: "Sao gọi là tà định?"

Nghĩa là Phật không thể hóa độ. Lại, tiếp theo phẩm hạ chép: "Nói định tà, nghĩa là Nhất-xiển-đề. Chánh định, nghĩa là Nhị thừa, Bồ-tát; người dứt mất gốc lành, gọi là Nhất-xiển-đề. Khi gốc lành được nối nhau rồi, thì không phải Nhất-xiển-đề. Khi đoạn, thì gọi là không thể trị; nối nhau rồi, là có thể trị".

Niết-bàn quyển ba mươi ba chép: "người Nhất-xiển-đề mà không thể cứu khổ địa ngục, gọi là không thể trị; tạo ra hạt giống đời sau, lại gọi có thể trị. Vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nên không thể trị. Nói gần, chẳng phải xa, cũng không đúng như thế".

Kinh Ương-quật-ma-la chép: "Đối với nhóm tà định, Phật không thể hóa độ, vì không có chủng tánh". Khác với kinh Niết-bàn quyển ba mươi ba, vì tạo ra nhân đời sau, tức là công năng hóa độ. Lại, kinh Niết-bàn quyển mười chép: "Như sừng dê trắng, v.v... Xiển-đề đồng với kinh Ương-quật. Lại, Nhất-xiển-đề chẳng phải chỉ dứt mất điều lành, chỉ sắp nối tiếp gốc lành nói là có thể trị, thuyết này còn có thuyết khác. Lại, Nhất-xiển-đề dù có việc lành tương lai, nhưng không thể chống chế nổi khổ địa ngục; vị lai có thể thoát khỏi? Vì y cứ vào quả báo nhất định mà nói, nếu chẳng phải quyết định nổi khổ của địa ngục thì có thể cứu chữa. Không như vậy, thì sao có ở hiện tại, hoặc là ở vị sinh tử, kể cả căn lành riêng nối nhau của đời sau. Lại, như năm tội nghịch, gọi là nghiệp Vô gián, tạo nghiệp rồi, chắc chắn phải đi qua cõi ác để chịu báo". Kinh luận lại chép: "Năm tội nghịch, bốn tội trọng, ăn năn, đều diệt trừ, không đi vào đường ác, sinh lên cõi người, trời, v.v... Đây là

do quả nghiệp có định, bất định; ở trong định, lại có thời gian, quả báo khác nhau. Kinh một bề nói, hiểu cũng có thừa; vì nói có Phật tánh, nên cũng không thể trị. Người kia, vì không hiểu Xiển-đề có nhiều thứ, nên hiểu lầm phẩm dưới của kinh chung, biểu thị trong chính, sẽ chỉ bày rõ. Lại nói rằng: “kinh Thiện Giới quyển ba chép: “Điều phục chúng sinh có bốn thứ:

- 1) Tánh Thinh văn thừa, được đạo Thinh văn.
- 2) Tánh Duyên giác thừa, được đạo Duyên giác.
- 3) Có Phật tánh được thành Phật.
- 4) Có tánh người trời, được thú vui của người, trời”.

Địa trì quyển hai, Du-già quyển ba mươi bảy nói đều đồng nhau, nhưng điều phục có sáu:

- 1) Điều phục tánh.
- 2) Điều phục người.

3) Nói bản tánh, đến giai vị phát tâm. Điều phục người nói bốn khách tánh. Bản tánh nói xa, tất cả đều muốn Bồ-đề, khách tánh nói gần, có bốn thứ khác nhau, nên kinh nói: “Điều phục tánh vì có hạt giống lành, nên tu pháp lành; vì tu pháp lành, nên phá hoại hai chướng. Vì tu pháp lành, nên thân, tâm thanh tịnh. Vì thân, tâm thanh tịnh, nên hoặc gặp bạn lành, hoặc không gặp đều có khả năng hủy hoại hai chướng, như mụn nhọt đã chín muối, dù gặp thầy thuốc, hay không gặp đều có thể được lành; tất cả chúng sinh cũng giống như thế, tu hành, cuối cùng khi được Bồ-đề, đây gọi là thành thực, gọi là điều phục tánh.

Đã nói điều phục bản tánh rồi; Mật Ý nói tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật, đồng với luận Pháp Hoa và kinh Thập Pháp, Thinh văn định tánh, do nhân Phật tánh được thọ ký sẽ thành Phật.

1- Điều phục người: có bốn, đã nói như trên; nên biết điều phục con người là nhân gần. Có tánh người, trời, v.v... đều là vì gần. Đã không có tánh người, trời, sau có tánh người trời, nên biết trước không có tánh ba thừa; sau được tánh ba thừa”.

“Thuyết này nói cũng phi lý, vì nói điều phục tánh, là nói chung, xưa nay tự tánh pháp nhĩ”.

2- Điều phục chúng sinh tức nói đối tượng điều phục, nên Du-già chép: “Bồ-đặc-già-la đã thành thực, lược có bốn hạng. Y cứ vào sinh, nói tánh, “có”, “không” khác nhau, tánh đại, tiểu khác nhau.

3- Điều phục hành: Nói Bồ-tát tu hành có khác nhau, nghĩa là tu trí tuệ, v.v... các căn của thân vượt hơn.

- 4- Điều phục phương tiện, nói về Bồ-tát tu có ba mươi hai phương

tiện.

5- Điều phục thành thực, nói về chủ thể thành thực và đối tượng thành thực.

6- Điều phục thành thực dấu ấn, tức nói về đối tượng thành thực. Người đã thành thực tất cả tướng ấn, rõ ràng như kinh, luận, vì rườm rà, nên không dẫn chứng. Cho nên điều phục tánh và điều phục người, không y cứ vào xa, gần. Nếu nói rằng: “Điều phục tánh nói về tánh xa, là bản tánh của chúng sinh.

Điều phục hai sinh, tức là tánh gần, tánh khách của chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều có bản tánh, đều sẽ thành Phật. Vì sao gần? Vì ba thừa đã thành thực tánh.

“Vì sao thức ăn như để trong đồ đựng bấu? Vì muốn thực hành đại đạo và bảo cho biết nẻo tắt nhỏ hẹp. Người bệnh kia không có bệnh nhọt, thì đâu làm tổn hại nó. Lại, nói tánh gần, vì người khác có là vốn tự thành”.

“Nếu nhân người khác có thì sao luận Địa Trì lại nói: “Người có tánh Thịnh Văn, do Thịnh Văn thừa mà thành thực tánh mình, v.v... Vì sao không nói: “Không có tánh Thịnh văn, do tánh Thịnh văn mà thành thực? Nếu nói rằng, do y cứ vào mình mà có thì đó là do Thịnh văn thừa mà thành thực. Nếu vậy, thì vì sao lại nói rằng: “Người không có chủng tánh, thì do khéo thú hưởng mà thành thực, không nói do tánh Thịnh văn thừa bình đẳng mà thành thực”.

Nếu nói rằng, đã không có tánh thì làm sao thành thực được?

“Nếu vậy, “thì” đã không nói, vào lúc nào sẽ được “có”?”

Lại nói rằng: “Đã “không có” tánh người, trời, thì về sau sẽ có tánh người, trời, nên biết trước không có tánh Ba thừa, sau được tánh Ba thừa. Đây là so sánh giả dối để lập, không hề có văn nào chứng minh trước không có chủng tánh người, trời; sau khiến cho có chủng tánh người, trời. Nếu đã thừa nhận đầu tiên “không có”, sau, khiến cho “có”, thì tức cõi người, trời có sau Phật, tức lẽ ra phải có bắt đầu. Lại, chủng tánh người, trời, cảm sinh đặc thệ. Sinh đặc thệ: sinh tức là “đắc”, há trước “không có”; sau người khác làm cho có ư? Kiếp hoại có sinh người, trời, há là Phật dạy hay sao?

Nếu nói rằng, luận Trí Độ chép: “Người không trụ Niết-bàn, vì chấp mắc trong phước, vui của người, trời, làm ra nhân Niết-bàn, nên biết không có nhân, về sau, lại “có” tánh”.

“Cách giải thích này cũng không phải như vậy, vì luận Trí Độ chép: “vì với nhân tạo ra Niết-bàn, nên biết không có nhân, sau lại “có”

tánh”.

“Điều này cũng không phải như vậy, vì luận Trí Độ chép: với người tạo ra nhân Niết-bàn, y cứ không có hiện hành mà nói, thì chẳng phải không có hạt giống, không có quả hạt giống sinh, vì không hợp lý”.

Lại, rằng: “Tuy nói cho thú vui người, trời, tức có tánh, không có tánh khác nhau, tức vẫn đã dẫn rằng: “Dùng việc lành của người, trời mà thành thực, không phải là lượng nhất định”.

“Ở đây cũng không đúng, vì luận là lượng nhất định. Vì sao? Vì Trí Luận chép: “Người không trụ Niết-bàn, thì đặt trong tánh người, trời, để làm nhân Niết-bàn, chẳng nói là không có chủng tánh, dùng gốc lành của người, trời mà thành thực, tạo ra nhân Niết-bàn, là nhân của ba thừa mà thành thực. Lại, nếu nói rằng: “Không thừa nhận quả không có giống được sinh, thì vì sao kinh Lăng-già chép: “dứt gốc lành vô tánh sau được Niết-bàn, nên biết sau vô nhân, lại có tánh”.

“Điều này cũng không đúng, vì Bồ-tát đại bi cũng ở trong đây, chẳng lẽ không có Phật tánh, mà gọi là vô tánh, nên biết đại bi thấy chưa thành Phật, nói là “vô”; đoạn thiện, thấy đoạn, nói rằng chẳng phải không có hạt giống cũng không được”.

Vấn hỏi rằng: “Nếu có nhân Niết-bàn, thì vì sao vương mắc trong thú vui của người, trời; tạo ra nhân Niết-bàn?”.

Kinh Thiện Giới chép: “Có tánh của ba thừa, vì điều phục ba thừa”.

“Giải đáp này cũng không đúng. Vì há có nhân Niết-bàn, đều có thể thành Thánh ngay, không có nhân rồi. Vì không thành Thánh, nên đặt để ở người, trời”.

Luận Bát-nhã của Vô Trước chép: “Người sinh xứ tai nạn, vì chờ đợi thời gian”. Ý luận này nói: Sinh ra thấy mình ở chỗ tai nạn, chờ đợi sinh người, trời, rời chỗ tai nạn xong, mà thành thực mình, là hiểu lầm rằng thông kinh Thắng-man, vì so sánh với kinh này có thể như thế. Lại, nói rằng: “Du-già quyển năm mươi hai gọi là không có pháp Niết-bàn, và luận Trang Nghiêm quyển sáu mươi bảy, phần thứ nhất chép: “Không có pháp Niết-bàn: nghĩa là nói theo khách tánh, chứ chẳng phải y cứ ở bản chánh nhân, bản chính đồng có, không thể phân chia con người, khách tánh, “có”, “không” khác nhau. Vì y cứ ở sự khác nhau của tánh này, nên kinh Ưu-bà-tắc giới quyển 1 chép: “Do Bồ-đề có thượng, trung, hạ nên Bồ-đề chẳng phải “bản hữu” (vốn có)”.

Cách giải thích này cũng không đúng, vì thuyết này nói: “Quả

Phật kia do nhân mà được, mà nói rằng chẳng phải bản hữu; giả thuyết nếu nói nhân, y cứ vào mới huân tập khởi, không như vậy, làm sao đồng có bốn chánh nhân, bắt đầu khiến trở thành ba phẩm, lỗi như trước đã nói”.

Lại nói: “Bồ-tát phát tâm có được tên gọi, không do bản tánh, nên so sánh mà biết, được tánh danh của ba thừa không do bản tánh, nghĩa này không đúng, vì danh là giả thiết không có tánh thật của nó, nên nói rằng không do tánh”.

Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Danh nghĩa là làm khách lẫn nhau, sự việc ấy, cần phải tâm tư, không phải chủng tánh của Bồ-tát kia, vì pháp thể không khác nhau. Lại, chẳng phải không có bản tánh, và do phát tâm mới bắt đầu được, là trái với kinh Thiện Giới chép: chẳng phải do phát tâm mà có tánh Bồ-tát. Nếu y cứ ở vị chung, thì như trước đã không đúng. Hơn nữa, dẫn điều phục con người, cũng như trước không đúng. Lại, dẫn Nhiếp luận chép: “Chượng đủ mà nhân thiếu, thì chư Phật sẽ không tự tại”. Luận Du-già hoặc nói theo chượng; hoặc nói theo nhân, hai thuyết khác nhau, đều chẳng phải bản tánh: “Vậy, y cứ vào đâu để làm chứng thuyết minh. Nếu chẳng phải bản tánh, thì sẽ không phải đều càng có “không” để nói, tức có thể biểu thị rõ nhất định. Lại, nói rằng: “Cuối cùng, Xiển-đề, y cứ vào luận Bảo tánh nói rằng: “Vì do vô lượng thời gian, nên nói rốt ráo không có pháp Niết-bàn. Kinh Niết-bàn; luận Phật Tánh cũng nói như vậy. Về sau, quyết định phát tâm đều được thành Phật.

Các thuyết này đều nói theo thời gian, chẳng phải rốt ráo. Vì sao biết được? Vì kinh Vô Thượng Y chép: Có ba phẩm chúng sinh:

- Chấp “hữu”. Lại có hai thứ:

1- Trái với đạo Niết-bàn, không có tánh Niết-bàn, không cầu Niết-bàn, ưa thích sinh tử.

2- Đối với ngã, pháp không sinh khát khao, kính mến, chê bai Đại thừa, này A-nan các chúng sinh này, không phải đệ tử ta, Phật chẳng phải là thầy họ, cho đến nói rằng: “Dùng sinh tử để chuyển biến, tạo tác, ở bờ mé sau, rơi vào lưới Xiển-đề, không thể tự thoát ra khỏi; trước kia là không có tánh, dù có tánh, nhưng vì căn cơ chậm lụt, trong thời gian dài, chê bai Chánh pháp, không tin. Hội thích trong luận Bảo Tánh, người thứ hai này chẳng phải người thứ nhất, rằng: “Vì kẻ hời chuyển chê bai pháp, vì nói vô lượng thời gian, nên chẳng phải thứ nhất. Nếu không như thế, thì vì sao phân tích làm hai”. Lại, luận tự nói rằng: “Nếu không có nhân duyên sinh tâm như thế, thì nhất Xiển-đề đều không

có nhân duyên sinh tâm như thế, thì nhất Xiển đề đồng không có tánh Niết-bàn, lẽ ra phải phát tâm Bồ-đề. Không như vậy, thì không nên tạo ra đủ hai thuyết trong kinh, luận. Nếu nói rằng, luận tự hội thích, e đó là định. Trang Nghiêm, Phật Địa cũng nói rõ về người vô tánh, rất ráo không thành Phật”. Vì sao không nhất định? Vì nên biết cả hai thuyết đều y cứ vào tánh riêng, nhưng không trái với kinh luận. Nếu nói rằng, trong kinh Niết-bàn, Phật cũng tự hội thích vì chướng ngại vị lai, nên nói là không có tánh, tất nhiên, vì sẽ được, nên gọi là “có” tánh, cũng không hợp lý, vì đây là nói theo thời gian, tất nhiên sẽ được, chứ chẳng phải cuối cùng, nghĩa là nếu không như thế, thì vì sao luận Phật quyển mười.

Địa chép: “Dù cho tất cả vô lượng chúng sinh trong một lúc đều thành A-nậu Bồ-đề thì các Như Lai cũng không thấy Nhất-xiển-đề kia được thành Bồ-đề”.

“Chư Phật có lúc diệt tận, có thể nói rằng: “Người này vì suốt thời gian dài không thấy Phật, khi không có Niết-bàn, sao lại nói là không thấy?”

Do đây, nên biết có rất ráo “là vô tánh”. Ở luận Trang Nghiêm soạn rộng, hội thông, luống uổng lập ra sự siêng năng khó nhọc. Lại, dẫn Nhiếp Luận rằng: Đệ tử bậc Thánh nói: “Người này hoàn toàn không có chút gốc lành mà xả bỏ; Phật quán biết là có mà độ thoát họ, biết có một ít nhân nhỏ nhoi không đủ”. Luận Trang Nghiêm chép: “Nhân không đủ, tức là một ít gốc lành nhỏ nhoi của chúng sinh khác, không có một chút gốc lành nhỏ nhoi này, được gọi là kẻ rất ráo vô tánh”.

“Nghĩa này cũng không đúng, vì không có một chút gốc lành nhỏ nhoi ngần ấy, về sau sẽ thành Phật, thì lại là thời gian, đâu gọi là rất ráo? Vì kẻ chưa từng khởi được một chút gốc lành nhỏ nhoi, chính là hoàn toàn làm hành vi ác, thuộc về thời gian, chẳng phải rất ráo không có tánh. Nếu nói rằng rất ráo về sau sẽ không thành Phật thì vì sao tiếp theo ở dưới lại nói rằng: “Đã nói: “vô tánh” tiếp theo, nói: “Khiến nhập”. Nghĩa này cũng không đúng”.

Nói khiến nhập: nghĩa là do văn luận kia, trước nói có tánh; sau nói vô tánh, là thuyết đối nhau “có”, “không”. Kế là, nói khiến nhập, nghĩa là nói có tánh khiến nhập. Không như vậy, thì sao lại nói rằng: “Nếu không có tánh khác nhau, thì sẽ không có thừa khác nhau v.v...”. Lại nói rằng: “Nhiếp Luận nói: Chướng đủ mà nhân thiếu, chư Phật không được tự tại”. Luận vô tánh giải thích: “chướng đủ, nghĩa là nghiệp phiền

não, dị thực thiếu nhân. Các nhân không có Niết-bàn, chướng đủ, dù Đức Phật trước không tự tại, nhưng Phật sau có tự tại.

So sánh nhân thiếu: nên biết cũng giống như thế”.

“Thuyết kia nói phi lý, vì phiền não cảm quả, dù cho cùng có định, thì cũng có lúc quả báo hết. Khi báo đã dứt hết, thì Phật sẽ được tự tại, khiến cho Niết-bàn. Kẻ không có nhân, Đức Phật ở trong vị này không tự tại, không được khiến cho “có”, đâu có tự nhiên, có lúc của nhân, đều đối với vị kia, Phật mới giáo hóa. Nếu vốn không có nhân, về sau, tự nhiên có, thì cũng như vốn là phàm phu, tự nhiên thành Thánh.

“Vì sao nhờ bạn lành, Phật, v.v... làm duyên, đối với lý cùng cực này, nên hãy tư duy sâu sắc. Nếu không thể tỏ ngộ, thì tôi sẽ không có tự tại.

5- Phá hạnh tánh khắp:

Có nghĩa: Lý, hạnh, Phật tánh, tất cả đều có, như kinh Đại Vân v.v... chép: “Như Lai thường trụ, Nhị thừa vô diệt. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh làm Tông”.

“Lý này không cùng tận. Tánh của lý cùng khắp, là chân đê tử. Nói sự tánh khắp, kinh không có văn thật, dù nói được tâm Bồ-đề, chủ thể tin cũng đúng, chẳng thể được quả Phật Bồ-đề, mới được gọi là đắc tâm.

Y cứ theo văn đã dẫn, thì không có lời nói: “Tất cả chúng sinh đều thành Phật”. Nếu thể của thức thứ tám là tánh hữu lậu, pháp vô ký, thì chẳng phải nhân vô lậu; Nhiếp luận của Bồ-tát Thiên Nhân v.v... đều không thừa nhận. Nếu nói không có Nhị thừa diệt, y cứ vào tánh bất định, xưa nay cùng thừa nhận; Nếu nói về tánh quyết định, thì tánh này sẽ không cực thành”.

Kinh Niết-bàn chép: “Nếu nói rằng: “Bốn quả đều được thành Phật, thì không hiểu ý ta”.

Niết-bàn quyển hai mươi bảy chép: “Tất cả đều có tâm, người, có tâm đều được thành Phật, như nói Nhất thừa y cứ vào đồng thể, y cứ y ưa thích của đồng thể”.

Quyển ba mươi sáu chép: “Tất cả pháp thiện, bất thiện, vô ký v.v... đều gọi là Phật tánh: Bất thiện, nghĩa là phiền não, v.v... Nếu là bất thiện, đã dựa vào chân như thì gọi là Phật tánh. Nghĩa này có thể như thế, tức do bất thiện, gọi là Phật tánh, trái với luận nhập Đại thừa. Luận ấy chép: “Ông ngu si vô trí, nghĩa là phiền não là nhân, v.v...”. Như trong phần chỉ bày nói nếu dùng phiền não làm nhân Bồ-đề thì há

dùng bất thiện làm nhân của pháp thiện ư? Nên nói Phật tánh, chẳng phải chánh Phật tánh. Do đó không thể làm chứng. Nếu nói rằng: “bảy người trong sông Hằng không rời nước Phật tánh, há không phải tánh hạnh ư? Không như vậy, thì đây ở nước lý Phật tánh, nếu tánh hạnh khắp thì đều được phát ra. Sao gọi bảy người đều là một?”

Nói các pháp, các đạo, hoặc nhân, hoặc quả đều là Phật tánh: y cứ một người đủ bảy mà nói, do người thứ nhất có không phải vô tánh mà cầu ra khỏi, thì cũng gọi thường xuyên mất. Như luận Phật Tánh đã hội thích Xiển-đề, không phải là người vô tánh. Lại, cứ như văn tiếp theo đây, “dù nói thường xuyên lặn mất, thừa nhận có lúc xuất ly, nói là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chẳng phải nhất định tất cả hạnh, vì chúng không khắp”. Lại, nói rằng: “Vì chẳng phải Phật tánh, nên nói ở Phật tánh ấy: chẳng phải Phật tánh; cái gọi là tường, vách, gạch, đá, vật vô tình, lia người vô tình như thế, v.v... đó gọi là Phật tánh. Nghĩa này cũng không đúng, vì tham, giận, si v.v... làm sao gọi là Phật tánh? Vì nếu do tham, v.v... có thể che lấp Phật tánh ấy, thì nên biết phiền não không có tánh che lấp chân, gọi là Phật tánh chẳng phải tất nhiên tánh hạnh, thì đâu thể làm sáng tỏ tánh hạnh, cũng đồng như tánh khắp. Nếu nói rằng không có tánh hạnh thì đâu được gọi Phật tánh? Về nghĩa này cũng không đúng, vì gạch, đá hoàn toàn không phải nên đối với chúng sinh, phân biệt chúng sinh không thật có. Vả lại, ẩn giấu không giải thích.

Nếu nói rằng, vì che nhờn, nên gọi Phật tánh; gạch, đá v.v... như thế, đâu cần gì phải phân biệt?

Về nghĩa này không so sánh, vì tham v.v... là chướng ngại, gạch, đá chẳng phải chướng ngại, nên kinh nói rằng: “Sắc màu như vốn trụ thế gian, người trí ở trong đó được giải thoát; y cứ vào người có tánh, mà nói”.

Quyển ba mươi ba chép: “Chẳng phải có như hư không, chẳng phải “vô” như sừng thỏ. Nay Phật tánh hiện hạnh, hiện tại tuy có nhân nhưng vẫn chưa được quả, vì có thể thêm lớn, vì chẳng phải thường có, nên chẳng như hư không”. Vì có công năng làm nhân, vì quả sẽ được, nên không như sừng thỏ, mà nói: “Nói là Xiển-đề vô tánh”, nhằm phá thường có của hư không; nói Xiển-đề có tánh, là nhắm phá thường không có sừng thỏ. Nếu nói pháp nhĩ một phần có trước, tức đồng với thường “không” của sừng thỏ.

Người nói như thế là chê bai Tam bảo. Không như thế, thì nếu ông cho chân như và tâm là tánh bình đẳng, thì tất cả thường có, tức lỗi như

hư không.

Nếu nói rằng y cứ vào khách tánh thấy “không” “sẽ có” ấy, nghĩa này cũng không hợp lý, vì không có nhân mà sinh, thì chẳng phải là đệ tử của Thích-ca. Hơn nữa, hữu lậu chẳng phải là nhân vô lậu, lỗi đã thường nói, là quán ý kinh này, vì trong nhân, chẳng phải quyết định có quả, như hư không thường có; chẳng phải quyết định không có quả, như sừng thỏ thường không có. Vì quả sẽ có, là không phải trước có, có công năng làm nhân, nên không phải như nói: “Vì giải thích hiện rõ được”. Lại, nói: “Quyển ba mươi ba chép: “Thịnh văn, Duyên giác tám muôn, sáu muôn, bốn muôn, hai muôn, mười ngàn kiếp trụ xứ gọi là Niết-bàn. Trụ xứ của Thánh chủ, chủ pháp vương vô thượng, gọi là Đại Niết-bàn.

Theo Nhị thừa thì không có thật Niết-bàn, nghĩa này cũng không đúng. Kinh nói rằng: “Gọi là Niết-bàn, không gọi là Đại Niết-bàn, sao nói rằng: “không?”. Lại, y cứ không nhất định. Về sau người hỏi tâm, nói như vậy: “chẳng phải người tánh quyết định”. Lại, nói rằng: “Nếu là địa vị Dự Lưu v.v... quyết định nguyện để lại thân, tám muôn kiếp, v.v... và phân đoạn có thừa, thì không hợp đạo lý. Vì sao? Vì trong mười một hạnh bệnh của Niết-bàn nói rằng, có năm hạng người:

- Người thứ nhất, vì dứt trừ ba kiết, nên được Tu-đà-hoàn, không rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; bảy lần trở lại cõi người, trời, dứt hết hẳn mọi nỗi khổ, nhập vào Niết-bàn, cho đến là người sẽ được A-nậu-Bồ-đề, vượt quá tám muôn kiếp trong vị lai. Vì cứ như đây, nên biết chẳng phải là phần đoạn của địa vị Dự Lưu có thừa, dựa vào bảy lần trở lại cõi người, trời, dứt hết hẳn các đau khổ, vì tám muôn kiếp sau, nên cũng không phải để lại thân, vì tự cho là Niết-bàn, nên phần vị đẳng lưu dứt hết hẳn các nỗi khổ, nhập vào Niết-bàn”.

“Nghĩa này cũng không đúng, vì đây là nói quả kia có công năng này, chẳng phải chỉ có Vô học mới được thú hưởng Đại thừa. Nếu chấp kinh nói: “Bảy lần trở lại cõi người, trời, dứt hết hẳn các khổ, nhập vào Niết-bàn há không thừa nhận Dự lưu kia được giảm bảy đời, dứt hết hẳn các khổ ư? Lại, nếu được Niết-bàn, dứt hết hẳn các khổ, Vô học được Niết-bàn, nên không thọ biến dịch. Thân của biến dịch, cũng là hành khổ, nên dù nhập Niết-bàn, nói các khổ hết, không bỏ Vô học, thọ thân biến dịch, dù nói Dự lưu, cùng cực bảy lần sau, cũng thừa nhận giảm bảy lần được quả vô học, nên biết văn này là nói theo công năng; hoặc y cứ vào một loại, để nhận lấy bậc Vô học, về lý thật, Sơ quả cũng được hồi tâm, liền thọ biến dịch. Trong luận Phật Địa, vì có thuyết thành thật,

nên hữu học của Pháp Hoa vì hồi tâm, nên đã thừa nhận Pháp Hoa là liễu nghĩa, sao không tin nhận sự hồi tâm của hữu học? Lại, Niết-bàn quyển mười chín nói thẳng rằng: “Hàng Tu-đà-hoàn, tám muôn kiếp, cho đến Bích-chi-phật một muôn kiếp.

Niết-bàn quyển hai mươi cũng nói thẳng rằng: Hàng Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp, được tâm A-nậu-Bồ-đề, cho đến Bích-chi một muôn kiếp được tâm Bồ-đề, sao kinh lại nói La-hán, tức chấp không thừa nhận dựa vào văn để nói ba quả trước, vào không thừa nhận một kinh đã nói, còn tạo nên cách yêu, ghét, lấy, bỏ, thật là nhiều hiểu lầm. Dẫn kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ một Phật thừa, Thịnh văn đều sẽ thành Phật. Lại, luận Phật Tánh chép: “Nhập Thánh đạo rồi, sinh tâm rất ráo.

Vì đã phá tâm tăng thượng mạn như thế, nên biết giáo pháp chân thật của Pháp Hoa, Bồ-tát Thế Thân, quyết định vì chân thật, người nào lại khiến sắp vì không liễu; “không như thế thì sao?”.

Kinh Thắng-man chép: “Nếu Như Lai thuận theo đối tượng mong muốn của chúng sinh kia, mà phương tiện nói”.

Kinh Giải Thâm Mật chép: “Nếu không biết Mật Ý này của Phật, thì kinh Niết-bàn nói: “Vào một lúc nào đó ta nói một hành, một duyên, một thừa, một đạo. Các đệ tử ta vì không hiểu ý ta, nên nói bốn quả v.v... đều sẽ được thành Phật”.

Luận Nhiếp Đại Thừa, Vô Trước tự nói rằng: “Dẫn nhiếp một loại”. Luận Vô Tánh của Thiên Thân đều nói: “Ẩn mật”. Phật Thích-ca, Vô Trước, đều là thầy của Thế Thân, phán quyết là không liễu nghĩa, người nào của Thế Thân mới sắp vào liễu nghĩa? Lại, Thiên Thân phán quyết là liễu nghĩa, người khác có khiến xếp vào không liễu nghĩa hay chăng?

“Nếu như vậy, thì kinh Giải Thâm Mật, Đức Phật tự nói là liễu nghĩa; người khác là ai mà phán quyết là quyền, mật?” Lại nói: “Quyển hạ của giải Thâm Mật, Hoa Nghiêm chép: “Nếu người giải thoát, thì cõi chúng sinh sẽ diệt, tức phá hoại tất cả trí tánh của Như Lai, pháp “sở tri” của Phật, khứ, lai, hiện tại sẽ không được bình đẳng. Lại, nếu Niết-bàn, chúng sinh sẽ diệt, thì lấy ai để lia khổ, có vô dư? Sự kiện hàng phục ma quân đều là nói dối hay sao?”.

“Cho nên, phải biết rằng, các người tu hạnh quán, chứng giải thoát, tất nhiên, thân họ thường trụ, lia bỏ uẩn các “hữu”, diệt hết các tập khí (thói quen), ví như đũa sắt nóng vào nước lạnh, sức nóng dù tan biến, nhưng sắt không tan hoại”.

Ý văn này khác, trước hết nói: “Nếu cõi chúng sinh diệt, tức hoại tánh nhất thiết trí của Như Lai. Vì nói theo chân như, nên gọi là cõi

chúng sinh”.

Luận Bảo Tánh dẫn kinh “Bất Tăng Bất Giảm” rằng: Xá-lợi-phất không lia cỗi chúng sinh mà có pháp thân, không rời pháp thân mà có cỗi chúng sinh, vì cỗi chúng sinh tức pháp thân; pháp thân tức cỗi chúng sinh. Hai pháp này, nghĩa một mà tên khác. Các kinh Đại thừa, vì mỗi chỗ đều có văn, nên không thể người chứng Nhị thừa là vô dư bất diệt. Nếu nói rằng, kinh chép: “Chứng giải thoát, thân họ thường trụ, lia chúng có uẩn, diệt các tập thể, v.v... dùng làm chứng ấy, nghĩa này cũng không đúng.

Thuyết này nói: “Nếu Như Lai thừa nhận Nhị thừa nhập vô dư y, thì cũng như thế, đâu có khác với Phật, lại cần phải thú hưởng Đại thừa. Nếu nói rằng Như Lai thừa nhận Nhị thừa, vô dư, thân, trí đều diệt, thì sẽ trái với kinh Mật Nghiêm quyển thượng. Kinh Niết-bàn kia chép: “Nếu diệt hoại thì chúng sinh sẽ có chung tận, chúng sinh có chung tận thì cũng có tế ban đầu, vốn có pháp chẳng phải sinh mà bắt đầu nương vào chúng sinh, không có phi chúng sinh, mà sinh ra cỗi chúng sinh ấy, nghĩa này cũng không đúng, vì đây là y cứ vào lý tánh”. Hoặc nói “Như Lai nếu do kinh nói chúng sinh có chung tận, thì lẽ ra phải có sơ tế (vì không có tế ban đầu).

Nói về chúng sinh diệt, nghĩa là phiền não cũng như thế. Phiền não tức chúng sinh, nhân quả đều cùng có từ vô thủy, há do phiền não cùng tận, nên so sánh phiền não có ban đầu. Nếu không thừa nhận hoặc sau cùng, thì chư Phật sẽ có phiền não. Mặc dù thừa nhận phiền não dứt nhưng nói hoặc không có ban đầu, dù rằng thân sau cùng, nhưng nào ngại gì được vô thủy, nên ý kinh Niết-bàn kia, là y cứ vào lý tánh để giải thích”. Lại, kinh Đại Pháp Cỗ chép: “Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh bát Niết-bàn là có cùng tận hay không? Phật bảo Ca-diếp, chúng sinh không có cùng tận”. Ca-diếp bạch Phật:

“Không cùng tận là sao?” Phật nói: “Nếu chúng sinh cùng tận thì lẽ ra phải có tổn giảm, và Tu-đà-la này sẽ trở nên không có nghĩa. Cho nên, Ca-diếp! chư Phật, Thế Tôn bát Niết-bàn đều thường trụ. Vì nghĩa này, nên chư Phật, Thế Tôn bát Niết-bàn sau cùng không tiêu ma, hoại diệt. Không nói Nhị thừa bát Niết-bàn cũng thường không hư hoại. Hoặc nói chân như của chúng sinh vô tận”. Lại, luận Đại Trang Nghiêm quyển một chép: “Gốc lành của người khác vì không có lợi tha, nên căn lành của người khác, khi Niết-bàn là cùng tận. Gốc lành của Bồ-tát không phải như vậy. Do gốc lành này làm nhân, với chủng tánh vượt hơn hết”.

“Nếu người Nhị thừa nhập Vô dư y, có gốc lành tồn tại, thì sao lại nói là diệt?”.

“Vô trước, Thiên Thân thờ phụng Đấng Từ tôn, địa vị của mình lại lên Cực hỷ, nói là gốc lành diệt, thì sao không tin? Lại, nói rằng: “Trong tánh thứ hai mươi lăm của Lăng-già nói: “Đại Tuệ! Nói người ba thừa vì phát khởi địa tu hành, nên các tánh khác nhau, chẳng phải địa rốt ráo”. Lại nói: “Ba hạng người kia, Thịnh văn, Duyên giác, rốt ráo nói: “Được pháp thân Như Lai”. Kinh nói ba người là Nhị thừa tánh quyết định và vì tánh bất định”.

“Nghĩa này cũng không đúng. Kinh Niết-bàn kia nói: “Đầu tiên, tánh định, bất định dùng làm ba thừa”. Lại nữa, nói thừa tánh bất định thứ tư, chỉ nhận lấy bất định, như Bồ-tát đại bi trong không có tánh, mặc dù cũng có tánh Đại thừa, nhưng vì nguyện bi có khác, nên lại nói riêng có ba”.

“Sao không phải rốt ráo?”

“Vì y cứ vào thuyết bất định: Nếu phán quyết nói ba là quyết định, thì Nhị thừa và người bất định, quyết định cũng khởi thú hướng Đại thừa, thì cần gì phải nói riêng thừa thứ tư?”.

Dưới đây, sẽ giải thích Lăng-già bốn quyển:

Theo cái biết sai lầm, kinh Thắng-man luận Bảo tánh; luận Phật tánh, v.v... đều so sánh với cái biết ở trước. Địa vị của Thế Thân ở Phục Nhẫn, được khen riêng làm chỉ nam, thân từ Nhị trụ Pháp Vân, đâu không khen riêng, theo phương Bắc, mà khen nghiêng lệch địa vị phạm phu, Bồ-tát thuyết giáo là chân, Từ tôn bỏ xứ, bàn luận về pháp là chẳng phải liễu, nghĩa há không phải lỗi ư?”.

6- Phá định, hiển mật:

Có nghĩa nói: “Thừa của Pháp Hoa là thuyết liễu nghĩa; ba thừa chẳng phải liễu nghĩa.

Hỏi: “Nhất thừa là thật, ba thừa là quyền, như Pháp Hoa, v.v... phải chăng”.

Vì sao Thâm Mật nói: “Nhất” là quyền? Bốn là chân thật?

Đáp: “Nhất thừa có hai:

- 1) Nhất thừa của Mật Ý.
- 2) Nhất thừa rốt ráo.

Vì có khác nhau, nên Thâm Mật, Nhiếp Luận, v.v... là Nhất thừa Mật Ý. Pháp Hoa, Thắng Man, v.v... là Nhất thừa rốt ráo”.

“Vì sao biết được có hai loại này?”.

Đáp: “Vì dùng hai nghĩa giải thích:

- 1) Thuật khác.
- 2) Dẫn hai văn đối chiếu rõ ràng.

Thuật khác có chín:

- 1) Còn ba, phá hai khác nhau.
- 2) Thuyết thời trước, sau khác nhau.
- 3) Nói vị không đồng nhau, khác nhau.
- 4) Diệt phân biệt đạo đồng nhau, khác nhau.
- 5) Phần đồng, toàn phần khác nhau.
- 6) Có hội thích, không có hội thích khác nhau.
- 7) Hợp ba, khai một khác nhau.
- 8) Vì sự hơn, kém của con người khác nhau.
- 9) Nói nghĩa không đồng nhau, khác nhau.

Điều này không nên như thế. Chín môn đều chẳng đúng.

1) Đầu tiên, còn ba, phá khác: lại, phán quyết Thâm Mật v.v..., vì còn ba là một, nên là “quyền”. Pháp Hoa v.v... phá ba, nói một, cho nên “thật”.

Đây là trước kia đã biểu thị rõ sự phán quyết sai lầm về văn giáo.

2) Thời lượng của hai thuyết trước, sau khác nhau: rằng, Hoa Nghiêm, Thâm Mật, v.v... vì nói bốn mươi năm về trước, nên thuộc về “quyền”; Pháp Hoa, Thắng-man là vì nói về sau, nên “Thật”.

Nghĩa này cũng không như thế, vì nếu Pháp Hoa trước kia còn ba, nói một, nên là Mật, thì như Thâm Mật v.v... nói trước bốn mươi năm, có thể như sự phán quyết.

Đã nói Tiểu thừa, “có” có thể còn. Và lại, nếu là “quyền”, thì Hoa Nghiêm là trước hai mươi mốt này, Phật chưa từng nói tiểu, tức là chưa có, có thể tồn tại, thì làm sao cũng phán quyết là thuyết ẩn mật? Nếu nói chung về địa vị sau. Khi nói Nhị thừa, thì lẽ ra cũng phải hội thích chung ẩn mật một địa vị sau, đâu không thừa nhận ư? Nên không thể dùng thời gian trước, sau để phán quyết nhất định. Lại tự phán quyết Nhất thừa của Nhiếp luận, đều là Quyền, Mật, tức Pháp Hoa, v.v... Nhiếp luận, đồng giải thích, đồng với Nhất thừa của Thâm Mật, v.v... chẳng phải liễu, làm sao phán quyết “quyền” trước, “thật” sau được?

3) Nói về phần vị chẳng đồng, khác, rằng: “Nói Giải Thâm Mật, v.v... như sữa, lạc, như phần vị của mọi dòng chảy là một. Nhất thừa của Pháp Hoa, như đến đề hồ đều trở về biển là một.

Về nghĩa này cũng không đúng, vì như thí dụ sữa, v.v... lại y cứ

vào người với tánh bất định của một loại, từ tiểu hướng về đại, đều có căn tánh cố định, thì không đúng. Nếu chấp thí dụ, nói là người tu hành, trước, sau nhất định như thế, chẳng lẽ thừa nhận tổ ngộ ngay cũng do Tiểu ư? Có người không dừng lại ở Tiểu thừa, thì có thể thú hướng Đại thừa, lẽ ra phải thừa nhận bơ v.v... không phải có ra từ sữa. Lại, luận Pháp Hoa có Thịnh văn như sữa, v.v...; địa vị Phật như đề hồ, há thừa nhận Thâm Mật, v.v... đã nói Nhất thừa là địa vị Thịnh văn, cũng như sữa v.v... Lại, thừa nhận Bồ-tát có ngay không phải dần dần, thì làm sao phán quyết nhất định địa vị khác là “quyền”? Nếu nói rằng, Thâm Mật đối với địa vị của tánh bất tịnh khác là “quyền”, làm sao biết được là phá quyết bất định của Tiểu thừa là không thật?

4) Diệt đạo riêng lẻ đồng, khác. Rằng, đạo Nhất thừa của Mật Ý vì đồng, nên gọi là một. Nhất thừa rốt ráo không có diệt của Nhị thừa, đến Phật mới có. Nếu không như vậy thì chỉ có thuyết nói ba giải thoát là bình đẳng, không nói trí, đức, ba thừa bình đẳng, sao nay lại xếp đạo v.v... đều đồng? Tuy nhiên, kinh Niết-bàn nói rằng: “Một đạo một duyên bình đẳng, nghĩa là y cứ thú hướng Đại thừa, nói rằng, đồng một đạo, chẳng phải nói ba thừa, đạo sở giác là đồng”.

Lại, kinh Thâm Mật chép: “Nghĩa vượt hơn của sinh nhau không có tự tánh, như thế ta đều đã chỉ bày rõ ràng nên ở trong đó lập Nhất thừa; chẳng phải tánh hữu tình không có khác nhau, nên nói có tánh đồng, tức Nhị thừa không có diệt riêng, Nhất thừa đồng với Pháp Hoa, đâu có riêng.

5) Phần đồng, hoàn toàn đồng khác nhau rằng: “Nhất thừa của Mật Ý, nhân vô ngã, pháp thân, thân biến dịch không đồng; Nhất thừa rốt ráo, các pháp này đều đồng: đã phán quyết Nhiếp Luận, v.v... là “mật”, Nhất thừa, sao văn luận lại nói rằng: “Vì pháp vô ngã, giải thoát bằng nhau, nên tánh không bình đẳng”.

Luận Hiển Dương chép: “Tức các pháp kia, vì nói theo tướng không khác nhau, cho đến vì pháp vô ngã bình đẳng, nên nếu nói rằng, luận Hiển Dương kia không thừa nhận rằng pháp vô ngã bình đẳng, thì há các Thịnh văn, v.v... Nhất thừa Pháp Hoa, đã chứng pháp vô ngã bình đẳng hay sao?

Nếu nói rằng, vì chấp nhận sẽ chứng, nên trong Nhiếp luận v.v... cũng thừa nhận bất định sẽ được chứng, vì sao lại là “quyền”? Nếu nói rằng vì không phải nói tất cả đều sẽ đồng, Pháp Hoa cũng giống như vậy. Luận Thích của Thiên Thân không vì tánh quyết định gây tổn hại nổi sợ hãi.

Nếu thừa nhận tánh định các pháp này đều đồng, sao không vì nói? Lại, Lăng-già chép: “Đồng nhập môn vui tam-muội của Bát địa, là từng thực hành công hạnh vĩ đại, không nói tánh quyết định, đâu có thừa nhận đều đồng? Lại trái với bản dịch đời Lương, bản dịch đời Lương chép: “Kệ trước dùng liễu nghĩa để nói về Nhất thừa; Kệ sau, dùng nghĩa bí mật để nói về Nhất thừa”. Lại nói rằng: “Về sau, gọi là hàng Thỉnh văn, v.v... với như ý bình đẳng đối với pháp, như các Thỉnh văn trong kinh Pháp Hoa đã được Phật thọ ký, chỉ được pháp như ý bình đẳng, chưa được pháp thân Phật. Nếu được như ý bình đẳng của pháp này, Thỉnh văn kia nghĩ rằng: “Như pháp của Như Lai, tức là như ngã, pháp. Vì ý như thế nên nói Nhất thừa. Cứ như luận thích này, há Nhiếp Đại thừa luận v.v... đã nói về Nhất thừa là “quyền”, chỉ nhân vô ngã v.v... đồng với thuyết của kinh Pháp Hoa; Pháp Nhất thừa rất ráo đều đồng với pháp thân vô ngã v.v...?”

6) Trong có hội thích, không có hội thích khác nhau, rằng Nhất thừa Mật Ý không hội thích nói ba là phương tiện. Nhất thừa rất ráo hội thích nói chân thật là phương tiện. Không như vậy, thì không hoàn toàn hội thích ba, nghĩa là y cứ vì có tánh quyết định, nên nói hội thích ba, nghĩa là vì y cứ theo tánh bất định, nên có tánh định, bất định.

Luận Pháp Hoa, kinh Lăng-già đều có nói. Nếu nói rằng, tánh quyết định chỉ được thành Phật, thì vì sao kinh Niết-bàn nói rằng: “Không hiểu ý ta?”.

Kinh Thắng-man chép: “Vì thuận theo đối tượng mong muốn của Tiểu thừa kia, mà Phật dùng phương tiện nói bình đẳng.

Lại, Nhiếp Đại thừa chánh chỉ kinh Pháp Hoa rằng: “Lại trong Pháp Hoa Đại Tập có các Bồ-tát đều đồng với Xá-lợi-phất v.v...”.

Giải Thâm Mật chép: “Không phải tánh hữu tình không có khác nhau, vì Nhiếp luận bình đẳng nên tánh không đồng”.

Luận Pháp Hoa chép: “Vì hai hạng người mà nói, đây đều đã hội thích xong, sao lại nói không hội thích Pháp Hoa? Do văn không kể vạch, chỉ nói nghe như thế. Bấy hợp, ba khai trong một, khác rằng: “Thâm Mật hội thích, xưa hợp ba thừa thành một thừa. Một chẳng phải đại trong ba. Pháp Hoa hội thích xưa khai một thành ba thừa. Nhất là Phật thừa trong ba. Không như vậy, thì trong hai mươi một ngày thành đạo, tức nói Đại thừa.

Kinh Pháp Hoa chép: “Mặc dù lại nói ba thừa, nhưng chỉ vì Phật hóa độ Bồ-tát”. Lại, nói: “Mặc dù thị hiện các thứ đạo, nhưng thật ra là Nhất thừa, tức hội thông ba thừa đã nói của một thời đại; lại ba thừa đã

được nói trong thời đại nào? Rằng, là khai nhất thành ba thừa. Lại, nói về Nhất thừa. Nhất thừa tức Đại thừa, há Giải Thâm Mật đã thu nhiếp Nhị thừa tánh quyết định kia thành Đại thừa, cho nên không thể”. Lại, giải Thâm Mật y cứ vào ba vô tánh để nói Thừa là nhất”, Pháp Hoa cũng đồng. Luận Thích nói: “Trong cõi nước Phật mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa không hai, cũng không ba.

Không có hai, nghĩa là không có Niết-bàn, v.v... của Nhị thừa, cho đến nói rằng: “Thừa Thịnh văn, Bích-chi-phật, chẳng phải là thể của pháp thân bình đẳng kia, vì nhân, quả, hạnh quán khác nhau”.

Nhiếp Luận bản dịch đời Lương chép: “Thừa có ba nghĩa:

- 1) Tánh.
- 2) Hạnh.
- 3) Quả.

Tánh tức chân, như; hạnh tức mười độ; quả tức bốn đức. Nhất thừa của kinh Pháp Hoa tức tri kiến Phật. Luận rằng: “Y cứ vào bốn nghĩa để mà nói:

1) Khai nghĩa là vô thượng, trừ trí Nhất Thiết Trí, không còn có việc khác, tức Bồ-đề, Niết-bàn.

2) Bảo cho người biết là nghĩa đồng, tức pháp thân bình đẳng của Thịnh văn, Bích-chi-phật. Pháp thân bình đẳng, nghĩa là Phật tánh, pháp thân, không hề có khác nhau. Đây chẳng phải đều có quả, mà cũng tức là tánh Nhất thừa của Nhiếp Luận.

3) Nhập: nghĩa là nhân, vì khiến địa vị đã chứng không lui sụt, vì thị hiện cùng với vô lượng nghiệp trí, Vô lượng nghiệp trí tức là mười độ mà nhiếp Đại thừa đã thực hành. Lại, Nhiếp luận, Nhất thừa của Pháp Hoa nếu có khác nhau thì Thiên Thân lẽ ra phải hiểu. Đã hội thích chung, thì còn so sánh phán quyết nào riêng? Nhập là trong sự khác nhau về hơn, kém của con người, rằng, Nhất thừa của Mật Ý, vì căn cơ chậm lụt mà nói; Nhất thừa rốt ráo vì căn cơ nhạy bén mà nói”.

Nhiếp luận bản dịch đời Lương chép: “Có các Bồ-tát đối với căn tánh Đại thừa đã nhập pháp không. Vì ở đây nói nhất, đồng với kinh Niết-bàn, không vì người căn cơ chậm lụt, mà là vì căn cơ nhạy bén mà nói. Không như vậy, thì Nhất thừa của Nhiếp luận đã phán quyết trước là “Mật”, nay nói “Mật” là vì căn cơ chậm lụt mà nói. Nhất thừa của Nhiếp luận đã phán quyết là mật, sao lại dẫn kinh Niết-bàn, đồng vì căn cơ nhạy bén mà nói, há không tự khác nhau hay nhau?

Lại, kinh Pháp Hoa chép: “Vì sự, đối tượng nương tựa của Thịnh văn”. Kinh chép: “Vì các Thịnh văn nói: “kinh Đại thừa này thọ ký cho

Thỉnh văn, v.v... há là Ca-diếp căn cơ nhạy bén đồng với kinh Niết-bàn đã nói ư? Thâm Mật chép: “Thắng nghĩa sinh, v.v... há là Thỉnh văn căn cơ chậm lụt ư? Hơn nữa, trước Phật độ căn cơ nhạy bén; tiếp theo lại độ, căn bậc trung, hạ. Kinh Niết-bàn Pháp Hoa đều có nói ở sau, há vì căn cơ nhạy bén, nên kinh Trang Nghiêm Tuệ, Như Lai nói: “Văn-thù-sư-lợi đã dựa vào tánh chất thượng, trung, hạ của chúng sinh vô biên pháp giới kia. Như Lai phát ra vầng ánh sáng mặt trời đại trí chiếu khắp chúng sinh cũng giống như thế. Đầu tiên tất cả các Bồ-tát v.v... tiếp theo, là Bích-chi-phật; tiếp theo nữa là Thỉnh văn; kế là gốc lành mà chúng sinh đã tin; tiếp theo, chúng sinh trụ trong nhóm tà định.

Văn các kinh này đâu nói căn cơ chậm lụt ở trước, căn nhạy bén ở sau ư? Lại nói: “tám thứ Nhất thừa là dẫn Bồ-tát Thỉnh văn bất định, tức vì người căn cơ chậm lụt, cũng không như thế”. Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Vì căn cơ nhạy bén, tám nghĩa Nhất thừa”.

Thứ nhất, tức là Thỉnh văn; thứ hai, là Bồ-tát bất định. Luận Pháp Hoa chép: “Hai hạng Thỉnh văn, Như Lai thọ ký cho, nghĩa là Thỉnh văn ứng, hóa, người đã lui sụt, lại phát tâm Bồ-đề, tức Thỉnh văn của tánh bất định.

“Làm sao được nói Nhất thừa rốt ráo, vì căn cơ nhạy bén mà nói. Nghĩa là chín thuyết khác nhau, khác là: “Nhất thừa của Nhiếp luận y cứ vào mười nghĩa để nói. Nhất thừa của Pháp Hoa nương vào bốn nghĩa để nói nghĩa là nói khác nhau, biết rõ thừa là khác, là không đúng, vì sao? Vì nếu nói rằng mười bốn nghĩa khác với mười “quyền”, bốn “thật”.

Luận Hiển Dương có sáu nghĩa trang nghiêm, tám nghĩa nên chia ra “quyền” “thật”. Nhiếp luận kia không như thế, Hiển Dương này làm sao như thế. Lại, kinh Pháp Hoa nói: “thể tánh của Nhất thừa có bốn thứ. Luận rằng: “Y cứ có bốn nghĩa để nói, về tánh Nhất thừa.

Nhiếp luận v.v... nói về ý của Nhất thừa, nói theo tám thứ đạo lý, vì không ra ngoài thể của thừa, nên bản Luận dịch vào đời Lương chép: “Vì sao nói người Nhị thừa đồng thú hưởng Nhất thừa, đều sẽ được thành Phật”.

Luận Trang Nghiêm chép: “Tám ý trong đây, Phật nói Nhất thừa”. Lại nói: “lại có nghĩa gì? Vì ý kia mà nói Nhất thừa. Kệ rằng:

*“Dắt dẫn các Thỉnh văn.
Nhiếp trụ các Bồ-tát
Với hai bất định này
Chư Phật nói Nhất thừa”.*

Luận Pháp Hoa chép: “Vì Thỉnh văn lui sụt Bồ-đề, tức dắt dẫn

Thỉnh văn, người bất định. Ghi nhận từ v.v... đầy đủ, tức người biến hóa. Lại, luận Pháp Hoa nói ba bình đẳng rằng: “Lại nữa, thị hiện thân mình, thân người khác, vì pháp thân bình đẳng không có khác nhau”, cho đến nói rằng: “Vì không biết Phật tánh của người kia, người này, vì pháp thân bình đẳng, nên gọi là người kia, tu chứng pháp này, vì người kia không được đối trị pháp này, nên thọ ký cho Thỉnh văn, tức nói về pháp bình đẳng, nhân bình đẳng, với ý Nhất thừa mà Nhiếp luận, v.v... đã nói, không hề có khác; làm chia ra Hiển, mật, muốn khuyến dụ con trẻ, dẫn văn đối với loại, người trí nên xem xét. Lược bày thuật khác, không phải; đối với loại, phiền không làm sáng tỏ đủ. Giáo đã bày sai lầm, vì thừa Hiển mật, nên điên đảo luống dối; “thật”, “quyền” nói thừa. Văn có khác nhau, vì cứ như thế nên đều sai lầm”.

7- *Phá duyên chấp chánh Phật tánh:*

Nghĩa là: “Biện luận chung về hai môn sự, lý Phật tánh: lý, tức chân như, pháp giới, gọi là nhân, gọi là tánh, v.v... tất cả chúng sinh đều đồng; sự, tức chủng ba mươi hai tướng, mười lực, v.v..., tất cả hữu tình co, không, khác nhau”.

Hỏi: “Nếu vậy, thì trước bốn mươi năm, cũng nói thật diệt của Nhị thừa; mười năm thành đạo tức nói kinh Như Lai Tạng, đâu có dùng ba thừa, năm tánh, nói trước là “quyền”; Nhất thừa Phật tánh nói sau là “Thật”?”

Đáp: “Cũng nói tướng chung, vì chưa phân biệt gìn giữ, nên không cần phải quyết định cho”. Kinh Niết-bàn chép: “Hễ là có tâm, đều sẽ được thành Phật, tức phân biệt với không có tâm, đối lập với không có Phật tánh. Nói về Phật tánh, tức phân biệt với ngôi, gạch, nên chỉ có tâm là kẻ hữu tình, đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Nhất thừa ở sau và nói Phật tánh, đều là liễu nghĩa”.

“Cách giải thích này cũng không đúng, vì nếu có phân biệt gìn giữ thì gọi là hiển liễu; còn nếu không có phân biệt gìn giữ, tức là ẩn mật”.

Kinh Giải Thâm Mật chép: “Nhất thừa rất có phân biệt, gìn giữ căn tánh chúng sinh, giữ lấy ba tánh, gọi là “Nhất”, phân biệt bỏ đi tánh quyết định sẽ được thành Phật. Vì định là liễu nghĩa, nên kinh Niết-bàn quyển ba mươi hai chép: “Trong kinh này, hoặc nói ba thừa, hoặc nói Nhất thừa. Đã nói rằng: “Hoặc nói ba thừa, lại nói sinh bát trong Na-hàm, tức là hai diệt”.

Kinh Thắng-man chép: “Thế nên ba thừa tức là Nhất thừa”. Lại nói: “Như Lai thuận theo đối tượng mong muốn của chúng sinh kia,

mà phương tiện nói, tức là Đại thừa, không có Nhị thừa; người Nhị thừa nhập vào Nhất thừa, Nhất thừa tức là đệ nhất nghĩa thừa. Đã nói là phương tiện, tức chứng tỏ bốn thừa là chân thật, nói đồng với Giải Thâm Mật. Pháp Hoa hoàn toàn chỉ nói Nhất thừa đối với hàng Thanh văn hoặc chỉ vì Bồ-tát”.

Luận chép: “Vì người hoàn toàn cầu Đại thừa, Phật nói thí dụ trời mưa, khiến chúng sinh biết thừa khác nhau”.

Các luận giải thích về Nhất thừa: Y cứ vào lý pháp thân, không nói căn tánh, tất cả không có khác, chính đồng với Giải Thâm Mật y cứ vào lý nói “nhất”, chứ chẳng phải căn cơ không có khác nhau”. Lại, kinh Như Lai Tạng nói: “Tất cả chúng sinh dù ở các cõi, nhưng trong thân phiền não, vẫn có Như Lai Tạng, thường không ô nhiễm, đức tướng đầy đủ, như ta không khác”, cho đến nói rằng: “Phật thấy Như Lai tạng của chúng sinh rồi; muốn mở rộng nên vì nói kinh pháp cho chúng sinh nghe, nhằm dứt trừ phiền não, hiển hiện rõ Phật tánh. Đã nói rằng: “Tất cả chúng sinh” tức phân biệt phi tình rồi. Lại, nói: “kinh Như Lai Tạng làm lợi ích lớn; nếu có người nào nghe đều thành Phật đạo, tức đồng với nghe kinh Niết-bàn thì sẽ thấy Phật tánh, dụ như trời sấm sét sinh ra vạn tượng, mầm, hoa, đồng có phân biệt với thuyết Niết-bàn, đâu không phải là thật?”

Nghĩa là: “Thể của Phật tánh có hai thứ”.

- 1) Lý.
- 2) Sự.

Lý nhận, tánh nghĩa là đệ nhất nghĩa “không”, đệ nhất nghĩa “không” làm chánh nhân cho pháp thân, cũng làm duyên nhân cho báo thân. Nếu thể sinh tướng, thì cũng làm chánh nhân cho báo thân. Bản thể của báo thân là nghĩa “không” thứ nhất.

“Cách giải thích này không hợp lý, vì nếu nghĩa “không” thứ nhất là chánh nhân của pháp thân, thì là sinh liễu, nếu là sinh nhân thì pháp thân là thường, mà đã là thường, thì tất nhiên không phải do nhân sinh”.

Kinh Niết-bàn quyển mười ba chép: “Nếu có các pháp từ duyên sinh thì biết là vô thường, các ngoại đạo này không có một pháp nào không từ duyên sinh, người thiện nam! Phật tánh vô sinh, vô diệt; cho đến nói rằng: “Không phải được gìn giữ bởi ấm, giới, nhập, cho nên gọi là thường”.

Kinh Niết-bàn quyển mười chín cũng nói: “Ánh sáng như thế, gọi là trí tuệ; trí tuệ, tức là thường trụ. Pháp thường trụ không có nhân

duyên. Lại nói rằng: “Thể Niết-bàn chẳng phải vốn “không”, mà hiện nay “có”, bởi nếu thể Niết-bàn vốn “không”, mà nay có, thì chẳng phải là pháp thường trụ vô lậu. Niết-bàn chẳng phải vốn không, mà nay có, thì làm sao do nhân sinh? Lại, Bồ-tát Cao Quý Đức Vương hỏi: “Hễ cái gì do trang nghiêm mà được thành, thì đều gọi là vô thường. Niết-bàn lẽ ra như thế?” Như Lai vì đáp: “Nói nhân có năm:

- 1) Chánh nhân.
- 2) Hòa hợp.
- 3) Trụ nhân.
- 4) Tăng trưởng.
- 5) Xa lìa.

Thể Niết-bàn chẳng phải được thành bởi năm nhân như thế, v.v... pháp thân tức Niết-bàn, sao lại nói có nhân. Lại, khác với phần vị nhân quả, gọi là “khác”; thể thường không có khác, cũng không có thêm bớt, sao chân như lại làm nhân cho chân như?”.

Kinh Như Lai Tạng nói rộng thí dụ để so sánh với ánh sáng vốn đầy đủ; vì bị chướng che lấp, nói pháp làm nhân, khiến được mở mang, tỏ rõ, cũng chẳng phải liễu nhân”.

Niết-bàn quyển mười chín chép: “Lại nữa, có hai nhân:

- 1) Tác.
- 2) Liễu.

Ba-la-mật ba mươi bảy phẩm v.v... đối với Niết-bàn, đó gọi là liễu nhân. Lại, Niết-bàn quyển ba mươi ba chép: “Quả xa lìa: tức là Niết-bàn. Xa lìa các phiền não. Tất cả nghiệp lành là nhân Niết-bàn. Nhân có hai thứ:

- 1) Gần.
- 2) Xa.

Gần tức ba giải thoát; xa thì pháp lành đã tu trong vô lượng đời, cho đến nói rằng: “Cho nên, Niết-bàn chỉ có liễu nhân, không có sinh nhân. Đây là y cứ vào môn sự, lý, Bồ-đề, Niết-bàn, trí đoạn riêng khác nhau”.

Kinh Niết-bàn quyển hai chép: Đại bát Niết-bàn trí đoạn đều gọi là Đại Niết-bàn. Lại, lý chân như đối với vị pháp thân, là mười nhân bốn duyên, vì sao? Vì gồm thâu “đắc” làm chánh nhân. Hơn nữa, tự dẫn kinh Mật Nghiêm chép: “Như Lai tạng thanh tịnh cũng gọi là Trí vô cấu”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Trí vô tướng, trí vô ngại đầy đủ trong thân chúng sinh”.

Kinh Như Lai Tạng chép: “Trong thân phiền não có Như Lai tạng, thường xuyên không có ô nhiễm, đức tướng đầy đủ như ta không khác”.

Đã nói rằng: “Đức tướng đầy đủ như ta không khác, sao làm nhân, vì chỉ có thể dùng ngôn, giáo để tu hành làm nhân, nên kinh Như Lai tạng nói rằng: “Phật thấy Như Lai tạng của chúng sinh rồi, muốn cho mở rộng nên nói kinh pháp cho nghe, diệt trừ phiền não, thể hiện rõ Phật tánh”, nên luận Bát-nhã của Thiên Thân nói: “Đối với thật làm liễu nhân, cũng làm sinh nhân khác”.

Kinh rằng: “Tất cả chư Phật đều từ kinh này xuất hiện, tất cả chư Phật đều sinh ra từ kinh này”.

Có thuyết rằng: “Chân như tức thể của pháp thân, không có nói: “Vì chân như là nhân của chân như, nên trở thành lời nói giả dối, “nghĩa là có thuyết nói: như vì liễu nhân, nghĩa là trong quả nói tên nhân, chẳng phải tức liễu nhân. Nếu chủ thể liễu, thì lẽ ra phải tự lìa nhiễm, đâu đợi duyên khác, nhưng luận Phật Tánh chép: “Lẽ ra phải được nhân, nghĩa là vì có trí chân như khởi đoạn “hoặc”, thì chân như mới thể hiện rõ, là lý do của đối tượng nên được, chẳng phải là sinh liễu. Nếu gọi nhân gần thì mười nhân, bốn nhân sinh liễu thuộc về gì?”

Lại luận Phật Tánh chép: “Nên được, nghĩa là sẽ có thể hiện, gọi là nên được, đâu thể tự hiển bày, mà hiển bày ở trí”. Lại nói: “Nếu thể sinh tướng cũng sẽ làm chánh nhân cho báo thân, là bản thể của báo thân, vì bản thể của báo thân là nghĩa “không” thứ nhất, nếu không như vậy, thì ở đây nói thể chân như kia, dù nói chân như là pháp giới; giới là nghĩa nhân, cũng là nghĩa tự tánh. Nhân, nghĩa là chẳng phải sinh, chỉ vì dựa vào nhân, nên nói chân như là y chỉ của mê ngộ”.

Luận Phật Tánh chép: “Vì đạo sinh y chỉ, do có chân như, mới có sự tục, ở các chỗ, vẫn đều nói thế”. Lại luận Phật Tánh chép: “Một hữu thể có khả năng sinh hữu thể, một hữu thể có khả năng sinh vô thể, đây là chân thật. Nếu vì, chánh nhân của báo Phật, tức một hữu thể năng sinh hữu thể. Vì sao nói là một? Vì cũng đồng với pháp bất sinh viên thành của Du-già. Lại, nếu dùng chân như làm chánh nhân, thì vì sao luận Phật tánh chỉ nói”. Vì gia hạnh, nên được nhân viên mãn, quả viên mãn. Nhân viên mãn: tức nhân gia hạnh, không nói rằng, nhân gia hạnh tức là nhân nên được. Chánh nhân: tức là phước trí. Không như vậy, thì cũng nói đệ nhất nghĩa “không” là thể của pháp nhiễm. Đâu thừa nhận chân như làm chánh nhân cho phiền não. Nếu thừa nhận như thế, thì sẽ trái với kinh Niết-bàn quyển ba mươi ba chép: “Nếu có thuyết nói: “Tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh thường lạc, ngã, tịnh, không tạo

tác, không sinh nhân duyên phiền não, nên không thể thấy, phải biết là người chê bai Phật, pháp, tăng, nói như không tạo tác, không sinh nhân duyên phiền não, chê bai Tam Bảo. Nếu nói: “làm chánh nhân cho Báo thân, nghĩa là không phải sinh gần báo thân”.

“Đã không sinh gần, thì làm sao gọi chánh nhân?”

“Như dụ mặt đất, nếu mặt đất không có, thì một trăm thứ cỏ sẽ nảy sinh, dù nương tựa đất có, nhưng không nói mặt đất là chánh nhân của trăm thứ cỏ, chân như so sánh mà biết”.

Nghĩa là: “Tánh sự cũng có hai thứ:

1) Chánh nhân.

2) Duyên nhân.

Niết-bàn quyển hai mươi tám chép: “Chánh nhân, là chúng sinh, duyên nhân là sáu Ba-la-mật, đây là nói chánh nhân của báo Phật. Hoặc nói quán trí Trung đạo và kiết, v.v... vô minh năm ấm thiện, dùng làm Phật tánh, nên nói tất cả tánh nhân”.

Kinh Niết-bàn quyển ba mươi sáu chép: “Phật tánh không gọi một pháp, cho đến không gọi muôn pháp, khi chưa được A-nậu Bồ-đề, thì tất cả pháp lành, vô ký đều gọi là Phật tánh. Phật tánh này làm duyên sinh hai nhân cho báo Phật”.

“Kinh kia nói không đúng, vì chánh nhân riêng của duyên nhân không liễu. Nếu chánh nhân do kinh nói, quy về chúng sinh, thì tức nói chúng sinh là chánh nhân của báo Phật. Sáu Ba-la-mật làm duyên nhân, nghĩa là chưa biết chúng sinh vì tức lấy thức thứ tám làm năm ấm chung. Nếu nhận lấy tám thức, thì hạt giống hữu lậu, vô lậu là của thức thứ tám; Nếu nhận lấy hữu lậu thì hữu lậu chẳng phải chánh nhân của vô lậu. Nếu nhận lấy vô lậu, thì vô lậu này tức Phật tánh, sao chỉ nói chúng sinh làm chánh nhân mà không có phân biệt? Nếu nói rằng, lậu, vô lậu đều là chánh nhân, thì đâu cần phải giản biệt? Chúng sinh tức năm ấm, sáu Ba-la-mật cũng thuộc về chánh nhân chung của năm ấm”.

“Vì sao trong kinh chỉ nói sáu độ?”

“Nay, y cứ như ý kinh, thì do hạt giống vô lậu của tánh sẵn có, vì mâu nhiệm đẹp ẩn mật khó biết, gửi gắm chúng sinh nói gọi là Phật tánh. Không như vậy, thì làm sao Sư Tử Hống quyển thứ hai mươi sáu chép: “Nếu tất cả chúng sinh đều không có Phật tánh thì làm sao được A-nậu Bồ-đề? Vì có chánh nhân, nên khiến chúng sinh được A-nậu-Bồ-đề”.

“Chánh nhân là gì?”

“Cái gọi là Phật tánh, nếu nói rằng “tức” Phật nói tâm, gọi là Phật tánh ấy, thì pháp khác há chẳng phải ư? Nếu như vậy, thì trái với văn thứ ba mươi, văn ấy nói: “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, từ, bi, hỷ, xả v.v... đều gọi là Phật tánh; Mười hai nhân duyên cũng gọi là Phật tánh”.

Lại, quyển ba mươi ba chép: “Phật tánh không gọi một pháp, cho đến pháp thiện, bất thiện, gọi là Phật tánh. Nếu nói rằng: “Dù nói chung, Phật tánh là chánh nhân của Phật, với ý nhận lấy thứ tám: lấy gì làm chứng? Sao không nói? Lại, Nhiếp Đại thừa chép: “Không thấy thuốc độc được thành cam lộ, v.v... Lại, kinh A-tỳ-đạt-ma chỉ nói rằng: “Vì y chỉ lưu chuyển, hoàn diệt, không nói là chánh nhân của hoàn diệt. Lại, chỉ tướng chung, nói về pháp thiện, bất thiện, làm chánh nhân duyên báo Phật, nói rằng làm sáng tỏ sự đồng, khác của Phật tánh, mà không hề làm sáng tỏ sự đồng dị của Phật tánh.

Nếu dùng hữu lậu làm chánh nhân, thì hữu lậu này chỉ thật sự khác với các người có trí, ai chịu là đồng? Các nghĩa môn khác, so sánh với môn này biết chẳng đúng, làm sáng tỏ chánh nhân khác với phần chánh rộng khai thị ở dưới.

LUẬN NĂNG HIỂN TRUNG BIÊN TUỆ NHẬT QUYỂN 1
(HẾT)